

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**



**BẢN CÁO BẠCH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3200040982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị ngày 11 tháng 09 năm 2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 11 năm 2021)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Quyết định đăng ký niêm yết số: ~~33~~/SGDHCM -QĐ do ~~Sở ĐK-TCM~~ cấp ngày ~~30~~ tháng ~~12~~ năm 2021)*

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

**Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị**

Địa chỉ: Km8, Quốc lộ 9, Phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0233 3582 460

Website: <http://minhhungqt.vn/>

Email: [autominhhung@gmail.com](mailto:autominhhung@gmail.com)

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3377 6699

Fax: 024 3373 6699

Website: [www.sbsi.vn](http://www.sbsi.vn)

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Họ tên: ÔNG ĐẶNG SĨ TIẾP** *(Theo Giấy ủy quyền số 59/GUQ-GMH ngày 06/8/2021 của Chủ tịch HĐQT CTCP Minh Hưng Quảng Trị)*

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0905 195 440; 091 7879 234

*Quảng Trị, ngày 15 tháng 1 năm 2021*





CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị ngày 11 tháng 09 năm 2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 11 năm 2021)

Địa chỉ: Km8, Quốc lộ 9, Phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0233 358 2460

Fax: 0233 3584 809

Website: <http://minhhungqt.vn/>

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

|                                        |                                                                      |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Tên cổ phiếu:                          | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị                         |
| Loại cổ phiếu:                         | Cổ phiếu phổ thông                                                   |
| Mã cổ phiếu:                           | GMH                                                                  |
| Mệnh giá:                              | 10.000 đồng/cổ phần                                                  |
| Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết:       | 16.500.000 cổ phần (Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn cổ phần) |
| Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): | 165.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng)       |

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ❖ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Deloitte Việt Nam (Deloitte)

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

**Deloitte**

Điện thoại: 024 71050000

Fax: 024.6288 5678

Website: [www.deloitte.com.vn](http://www.deloitte.com.vn)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

- ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

**SBSI**

Điện thoại: 024 3377 6699

Fax: 024 3373 6699

Website: [www.sbsi.com.vn](http://www.sbsi.com.vn)



## MỤC LỤC

|             |                                                                                                                                                                                                    |           |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I.</b>   | <b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>                                                                                                                                                                     | <b>7</b>  |
| 1.          | Rủi ro về kinh tế.....                                                                                                                                                                             | 7         |
| 1.1         | Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....                                                                                                                                                                    | 7         |
| 1.2         | Tình hình lạm phát.....                                                                                                                                                                            | 8         |
| 1.3         | Lãi suất.....                                                                                                                                                                                      | 9         |
| 1.4         | Rủi ro về luật pháp.....                                                                                                                                                                           | 10        |
| 1.5         | Rủi ro đặc thù.....                                                                                                                                                                                | 10        |
| 1.6         | Rủi ro khác.....                                                                                                                                                                                   | 11        |
| <b>II.</b>  | <b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>                                                                                                                       | <b>12</b> |
| 1.          | Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.....                                                                                                                                        | 12        |
| 2.          | Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers .....                                                                                                                                | 12        |
| <b>III.</b> | <b>CÁC KHÁI NIỆM.....</b>                                                                                                                                                                          | <b>12</b> |
| <b>IV.</b>  | <b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....</b>                                                                                                                                     | <b>15</b> |
| 1.          | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: .....                                                                                                                                                  | 15        |
| 1.1         | Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....                                                                                                                                                          | 15        |
| 1.2         | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                    | 16        |
| 1.3         | Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty .....                                                                                                                                                 | 19        |
| 2.          | Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....                                                                                                                                                            | 22        |
| 2.1.        | Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).....                                                                                                                                                                  | 22        |
| 2.2.        | Hội đồng quản trị (HĐQT) .....                                                                                                                                                                     | 23        |
| 2.3.        | Ban Kiểm soát (BKS) .....                                                                                                                                                                          | 24        |
| 2.4.        | Ban Tổng Giám đốc (TGD) .....                                                                                                                                                                      | 24        |
| 2.5.        | Các ban chức năng .....                                                                                                                                                                            | 25        |
| 3.          | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ) ..... | 26        |
| 3.1.        | Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty                                                                                                                   | 26        |
| 3.2.        | Cơ cấu cổ đông .....                                                                                                                                                                               | 27        |
| 4.          | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối,                              |           |



|       |                                                                                                                                                  |    |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
|       | những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký<br>niêm yết .....                                                | 28 |
| 5.    | Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                        | 28 |
| 5.1.  | Sản phẩm và dịch vụ của Công ty qua các năm.....                                                                                                 | 31 |
| 5.1.1 | Gạch nung .....                                                                                                                                  | 31 |
| 5.1.2 | Gạch không nung .....                                                                                                                            | 32 |
| 5.1.3 | Xi măng Pooc Lăng hỗn hợp (PC 30 và PC 40) .....                                                                                                 | 35 |
| 5.1.4 | Cơ cấu sản lượng và doanh thu.....                                                                                                               | 36 |
| 5.2.  | Nguyên vật liệu .....                                                                                                                            | 38 |
| 5.3.  | Chi phí sản xuất .....                                                                                                                           | 40 |
| 5.4.  | Trình độ công nghệ .....                                                                                                                         | 41 |
| 5.5.  | Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới .....                                                                                            | 43 |
| 5.6.  | Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ .....                                                                                             | 43 |
| 5.7.  | Hoạt động Marketing .....                                                                                                                        | 44 |
| 5.8.  | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền. ....                                                                              | 44 |
| 5.9.  | Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....                                                                                    | 44 |
| 6.    | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....                                                                                               | 46 |
| 6.1.  | Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....                                                                       | 46 |
| 6.2.  | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong<br>năm báo cáo .....                                                 | 47 |
| 7.    | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....                                                                            | 49 |
| 7.1   | Vị thế của Công ty trong ngành .....                                                                                                             | 49 |
| 7.2   | Triển vọng phát triển của ngành vật liệu xây dựng .....                                                                                          | 51 |
| 7.3   | So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong<br>cùng ngành.....                                                | 53 |
| 7.4   | Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của<br>ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới..... | 55 |
| 7.5   | Chiến lược Kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty .....                                                                                   | 56 |
| 8     | Chính sách đối với người lao động.....                                                                                                           | 56 |
| 8.1   | Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty.....                                                                                          | 57 |
| 8.2   | Chính sách đối với người lao động.....                                                                                                           | 57 |
| 8.    | Chính sách cổ tức.....                                                                                                                           | 59 |
| 9     | Tình hình hoạt động tài chính .....                                                                                                              | 60 |



|              |                                                                                                                                                                           |                                     |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 10.1         | Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....                                                                                                                                        | 60                                  |
| 10.2         | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                                                                                                                                       | 62                                  |
| 10           | Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng.....                                                                                                     | 63                                  |
| 1.1          | Hội đồng quản trị.....                                                                                                                                                    | 64                                  |
| 1.2          | Ban Tổng Giám đốc.....                                                                                                                                                    | 70                                  |
| 1.3          | Ban Kiểm soát.....                                                                                                                                                        | 72                                  |
| 11           | Tài sản.....                                                                                                                                                              | 75                                  |
| 11.1         | Tài sản cố định.....                                                                                                                                                      | 75                                  |
| 11.2         | Tình hình sử dụng đất đai.....                                                                                                                                            | 77                                  |
| 12           | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....                                                                                            | 78                                  |
| 12.1         | Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh. lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....                                                                                        | 78                                  |
| 12.2         | Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị (HĐQT), Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.....                                                                      | 80                                  |
| 13           | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....                                                                                                          | 81                                  |
| 14           | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết ..                                                                                           | 81                                  |
| 15           | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....                                                    | 81                                  |
| <b>V.</b>    | <b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>                                                                                                                                          | <b>82</b>                           |
| 1.           | Loại cổ phiếu.....                                                                                                                                                        | 82                                  |
| 2.           | Mệnh giá.....                                                                                                                                                             | 82                                  |
| 3.           | Tổng số chứng khoán niêm yết.....                                                                                                                                         | 82                                  |
| 4.           | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....                                                                    | 82                                  |
| 5.           | Phương pháp tính giá.....                                                                                                                                                 | 82                                  |
| 6.           | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....                                                                                                                   | 84                                  |
| 7.           | Các loại thuế có liên quan.....                                                                                                                                           | 84                                  |
| <b>VI.</b>   | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>                                                                                                                        | <b>86</b>                           |
| <b>VII.</b>  | <b>NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT), TỔ CHỨC TƯ VẤN.....</b> | <b>87</b>                           |
| <b>VIII.</b> | <b>PHỤ LỤC.....</b>                                                                                                                                                       | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |



## DANH MỤC HÌNH VẼ

|                                                                       |    |
|-----------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 – 6T.2021 ..... | 7  |
| Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm .....                              | 8  |
| Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty .....                           | 22 |
| Hình 4: Quy hoạch khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị .....                | 53 |

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

|                                                                                           |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ .....                                                  | 19 |
| Bảng 2. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại ngày 28/11/2021 .....                       | 26 |
| Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/11/2021 .....                                          | 27 |
| Bảng 4. Tổng sản lượng sản xuất tại các nhà máy của Công ty .....                         | 28 |
| Bảng 5: Một số sản phẩm Gạch tuynel Công ty cung cấp .....                                | 32 |
| Bảng 6. Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2019-2020 và 9 tháng năm 2021 .....                    | 36 |
| Bảng 7. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2019, năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 ..... | 37 |
| Bảng 8: Nguồn nguyên vật liệu sản xuất Công ty đang dự trữ .....                          | 39 |
| Bảng 9: Danh sách một số nhà cung cấp lớn của Công ty .....                               | 39 |
| Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố .....                                    | 40 |
| Bảng 11: Tỷ trọng chi phí của Công ty năm 2019 – 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 .....       | 40 |
| Bảng 12: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết .....                   | 45 |
| Bảng 13: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh (Đvt: đồng) .....              | 46 |
| Bảng 14: So sánh với các Công ty cùng ngành năm 2020 .....                                | 54 |
| Bảng 15: Số lượng lao động của Công ty qua các năm (đvt: người) .....                     | 57 |
| Bảng 16: Tình hình lao động của Công ty .....                                             | 57 |
| Bảng 17: Tình hình chi trả cổ tức .....                                                   | 59 |
| Bảng 18: Thời gian khấu hao của các loại tài sản .....                                    | 60 |
| Bảng 19. Tình hình các khoản phải thu .....                                               | 60 |
| Bảng 20. Tình hình các khoản phải trả .....                                               | 61 |
| Bảng 21. Tình hình các khoản phải nộp theo Luật định (Đơn vị tính: đồng) .....            | 62 |
| Bảng 22. Các chỉ tiêu tài chính năm .....                                                 | 62 |
| Bảng 23: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2020 .....                                | 75 |
| Bảng 24. Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2021 .....                                | 76 |
| Bảng 25 Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/09/2021 .....                            | 77 |
| Bảng 26: Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 - 2022 .....                           | 78 |



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo pháp luật và nền kinh tế Việt Nam. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

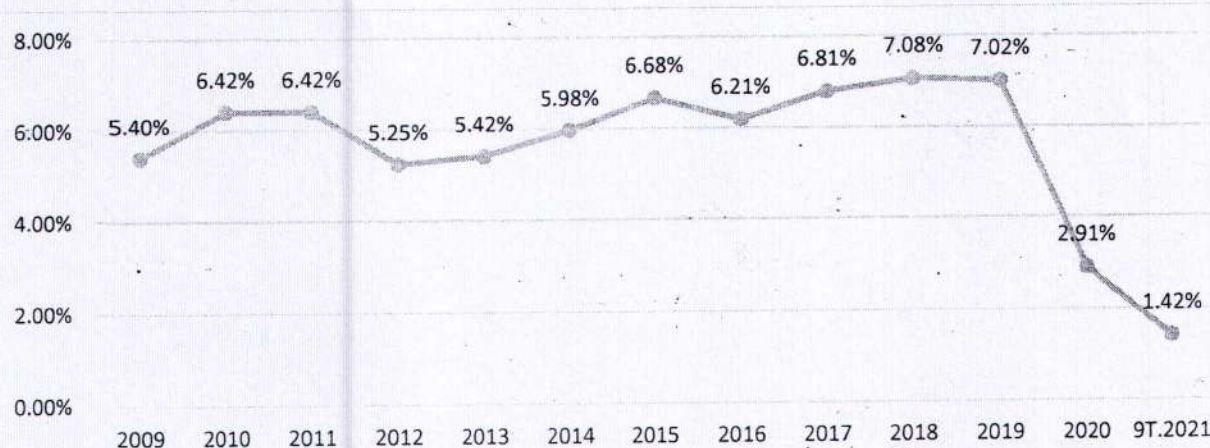
#### 1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách kinh tế của Chính phủ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

##### 1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định .v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế giai đoạn 2016 - 2019, dù mới chỉ là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị nói riêng.

**Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 – 6T.2021**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,1% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017.



GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%. Năm 2020, GDP tăng 2,91% thuộc nhóm có mức tăng trưởng cao nhất thế giới bất chấp nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch SARS-CoV-2 gây ra.

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với kinh tế Việt Nam khi đợt dịch thứ 4 bùng nổ tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, khiến cho tình trạng giãn cách chống dịch và đình trệ sản xuất kinh doanh kéo dài. Theo tổng cục thống kê, GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ do tác động của dịch bệnh nghiêm trọng khiến cho nhiều tỉnh thành phố, trung tâm kinh tế thực hiện giãn cách dài ngày nhằm phòng tránh dịch. Kết quả tăng trưởng dương cho thấy sự thích nghi, khả năng chống chịu và sự chỉ đạo quyết liệt của chính phủ, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội, chính sách miễn dịch cộng đồng và tiêm chủng vaccin được mở rộng. Theo Trung tâm thông tin và Dự báo Kinh tế Xã hội Quốc gia (NCIF) Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự báo tăng trưởng GDP cả năm đạt 1,5% – 1,9%; đạt khoảng 5,8% năm 2022 và có thể cán mốc 6,7% nếu các yếu tố hỗ trợ tích cực cho sự phục hồi của nền kinh tế.

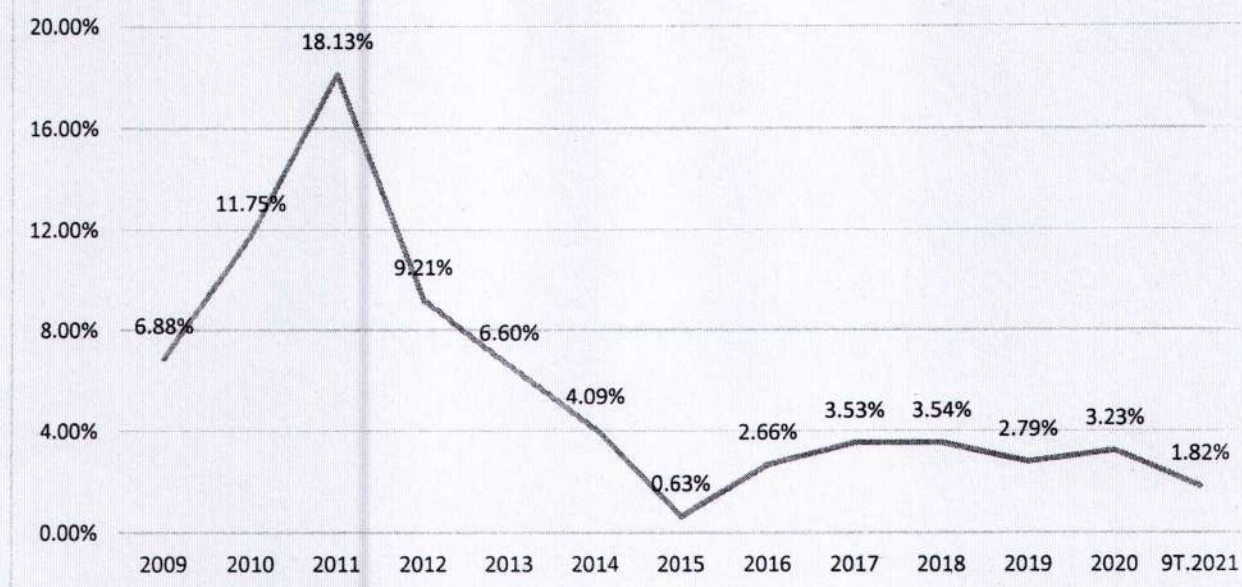
Với đặc thù ngành vật liệu xây dựng có tính địa phương, được hưởng lợi trực tiếp các hoạt động đầu tư công – được coi là lực đẩy kinh tế sau đại dịch, do đó rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu đến từ việc gián đoạn sản xuất do dịch bệnh. Với tỷ lệ tiêm chủng tại Quảng Trị đạt 95,98% cùng chính sách giám sát, phòng dịch chặt chẽ là tiền đề đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định trở lại. Bên cạnh đó, Công ty luôn nghiêm túc thực hiện các hướng dẫn y tế của Chính phủ và địa phương, đảm bảo điều kiện sản xuất kinh doanh của cán bộ công nhân viên.

## 1.2 Tình hình lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

### Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm





*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Giai đoạn 2016-2020, lạm phát bình quân của Việt Nam đều được kiểm soát và duy trì ở mức ổn định. Năm 2021, Quốc hội quyết định thông qua mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4%, CPI bình quân 09 tháng tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016, nguyên nhân tăng do giá nguyên nhiên liệu đầu vào tăng theo nhu cầu tiêu dùng và giá thế giới. Tuy nhiên, Chính phủ triển khai hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch covid và việc giảm giá các mặt hàng thực phẩm kiềm chế tốc độ tăng CPI, duy trì chỉ số lạm phát ở mức kiểm soát. Việc kiểm soát lạm phát có vai trò quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, cân đối chi phí đầu vào và đảm bảo chính sách đối với cán bộ công nhân viên. Để giảm thiểu tác động của lạm phát, Công ty thực hiện chính sách đánh giá giá bán, xem xét đầu vào nguồn nguyên vật liệu, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Lãi suất cho vay doanh nghiệp những năm gần đây ở mức phổ biến 7 – 8%/năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp sẽ hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty các năm tiếp theo.

Từ năm 2020, với diễn biến phức tạp và tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế, Ngân hàng nhà nước Việt nam đã tiến hành hạ trần lãi suất tiền gửi tác động trực tiếp lên các khoản vay và gia



hạn dư nợ vay hiện hữu. Điều này đã làm giảm áp lực tài chính đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên cũng làm giảm lợi ích đối với các doanh nghiệp có lượng vốn lưu động thường xuyên lớn như Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.

Với hệ thống quản trị tài chính và cơ cấu nguồn vốn hiệu quả, Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị tận dụng tối đa nguồn vốn chủ sở hữu tái đầu tư bổ sung hoạt động kinh doanh, hạn chế vay nợ khiến cho rủi ro lãi suất đối với Công ty luôn duy trì ở mức thấp. Bên cạnh đó, để tối đa hiệu quả sử dụng vốn, Công ty đã thực hiện đầu tư vào các sản phẩm tài chính có bảo đảm của các Tổ chức lớn, uy tín trên thị trường với mức lãi suất cao hơn tiền gửi ngân hàng.

#### 1.4 Rủi ro về luật pháp

Sự thay đổi về chính sách, luật pháp như luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của ngành và Công ty. Tuy nhiên, rủi ro luật pháp là rủi ro hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 1266/QĐ-TTg về phê duyệt chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Trong đó, Nhà nước đã có những chính sách tạo thuận lợi cho ngành, cụ thể:

Chú trọng xây dựng hoàn thiện thể chế, chính sách khuyến khích đầu tư mới, đầu tư nâng cấp và chuyển đổi công nghệ sản xuất để đạt được hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Tăng cường quảng bá sản phẩm thúc đẩy thị trường tiêu thụ nội địa; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm vật liệu xây dựng,...

#### 1.5 Rủi ro đặc thù

##### 1.5.1 Rủi ro nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù của nguyên vật liệu sản xuất vật liệu xây dựng là khoáng sản tự nhiên như đất sét, than đá,... Hiện nay, nguồn nguyên liệu đầu vào của các nhà máy trực thuộc Công ty đến từ các vùng nguyên liệu do Công ty quản lý khai thác và một phần lớn do thực hiện mua từ các công ty khai thác khác, do đó công ty có thể gặp phải những trở ngại như: các nguồn khai thác bị cạn kiệt, sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác trong việc xin phép khai thác các mỏ nguyên liệu, chính sách điều tiết của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng, điều kiện bảo quản. Để chủ động về nguồn nguyên liệu, đảm bảo cho hoạch phát triển lâu dài, Công ty thực hiện mua tích trữ nguồn nguyên liệu chất lượng, tích cực tìm kiếm những nhà cung cấp nguyên vật liệu mới, tìm kiếm thăm dò khu vực được phép khai thác. Bên cạnh đó, song song với quá trình khai thác Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường và khai thác hợp lý những nguồn nguyên liệu sẵn có nhằm đem đến giá trị bền vững cho cổ đông công ty, đóng góp thiết thực cho xã hội.



### 1.5.2 Rủi ro cạnh tranh

Ngành vật liệu xây dựng luôn là một trong những ngành có mức độ cạnh tranh cao. Hiện nay, ngày càng nhiều các doanh nghiệp mới tham gia vào lĩnh vực vật liệu xây dựng với tiềm lực tài chính lớn, công nghệ hiện đại và các sản phẩm đa dạng, phong phú hơn nên Công ty đối mặt với nhiều sự cạnh tranh trên thị trường. Tuy vậy, với lợi thế là một trong những doanh nghiệp có thời gian hoạt động lâu năm tại tỉnh Quảng Trị nói riêng và khu vực miền Trung nói chung, Công ty có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng chiến lược phù hợp, các hệ thống phân phối và thương hiệu có sẵn, hiểu được tập quán và đặc thù của thị trường hoạt động, từ đó xây dựng được chính sách bán hàng phù hợp.

### 1.5.3 Rủi ro về lao động

Do hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng quá trình làm việc như tai nạn lao động làm thiệt hại về máy móc thiết bị, đặc biệt là về con người. Để đảm bảo an toàn trong lao động và giảm thiểu tối đa rủi ro này, Công ty luôn trang bị đầy đủ vật dụng bảo hộ lao động cho nhân viên và mua các loại bảo hiểm đầy đủ cho người lao động của mình.

### 1.6 Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,.. trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị

|                    |                                     |
|--------------------|-------------------------------------|
| Ông Lê Đình Sung   | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Trần Cảnh Bình | Chức vụ: Tổng giám đốc              |
| Ông Nguyễn Bá Hải  | Chức vụ: Kế toán trưởng             |
| Ông Võ Thanh Sơn   | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát       |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Nguyễn Quang Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 1607/2020/TVDN/SBSI-MHQT với Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công ty/GMH : Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
- Người có liên quan : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:  
Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;  
Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;



Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;

Người quản lý doanh nghiệp;

Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

**Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:**

- |               |                                                |
|---------------|------------------------------------------------|
| – UBCKNN      | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                  |
| – Điều lệ     | : Điều lệ Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị  |
| – SBSI        | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers |
| – Giấy CNĐKDN | : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp         |
| – ĐHĐCĐ       | : Đại hội đồng cổ đông                         |
| – HĐQT        | : Hội đồng Quản trị                            |
| – BKS         | : Ban Kiểm soát                                |
| – TGD         | : Tổng Giám đốc                                |
| – TSCĐ        | : Tài sản cố định                              |
| – Thuế TNDN   | : Thuế Thu nhập doanh nghiệp                   |
| – ĐVT         | : Đơn vị tính                                  |
| – CBCNV       | : Cán bộ, công nhân viên                       |
| – HĐ          | : Hợp đồng                                     |
| – CBTT        | : Công bố thông tin                            |
| – CP          | : Cổ phiếu                                     |
| – NNB&CDL     | : Người nội bộ và cổ đông lớn                  |





- BCTC : Báo cáo tài chính
- CK : Chứng khoán





#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

##### 1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ
- Tên tiếng Anh: MINH HUNG QUANG TRI JOINT STOCK
- Trụ sở chính: Km8, Quốc lộ 9, Phường 4, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Điện thoại: 0233 358 2460
- Website: <http://minhhungqt.vn/>
- Email: [autominhhung@gmail.com](mailto:autominhhung@gmail.com)
- Giấy CNĐKDN: Số 3200040982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 11 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 11 năm 2021
- Đại diện pháp luật: Ông Lê Đình Sung
- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã chứng khoán: GMH
- Tài khoản mở tại: 5401 0000 382 999
- Số tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quảng Trị
- Vốn điều lệ 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính:

| STT | Tên ngành                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến khoáng sản, sản xuất bột đá DOLOMITE | 2399     |
| 2   | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất phụ gia cho xi măng                                     | 2029     |
| 3   | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                               | 4511     |
| 4   | Xây dựng công trình thủy                                                                                                          | 4291     |
| 5   | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                   | 4292     |
| 6   | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                             | 4293     |
| 7   | Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng khu công nghiệp                                                                      | 4312     |





| STT | Tên ngành                                                                                                                                             | Mã ngành     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 8   | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                            | 4299         |
| 9   | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                   | 4222         |
| 10  | Phá dỡ                                                                                                                                                | 4311         |
| 11  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                        | 4329         |
| 12  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô                                                                                                  | 7710         |
| 13  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                     | 4101         |
| 14  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                               | 4102         |
| 15  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                          | 4212         |
| 16  | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt<br>Chi tiết: Khai thác đá DOLOMITE                                                                       | 0722         |
| 17  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét<br>Chi tiết: Sản xuất gạch xây, ngói.                                                                           | 2392         |
| 18  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                    | 2394 (Chính) |
| 19  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng: gạch xây, ngói, vôi, đá, cát, sỏi, đất sét.  | 4663         |
| 20  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                       | 0810         |
| 21  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                        | 4933         |
| 22  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu Clinker, thạch cao; Các sản phẩm phụ gia cho sản xuất xi măng | 4669         |
| 23  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cơ khí                                                                             | 2592         |
| 24  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                        | 4520         |
| 25  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                       | 4659         |

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

## 1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị tiền thân là Công ty TNHH MTV Đồng Trường Sơn (tên cũ: Công ty xi măng Quảng Trị) – một doanh nghiệp nhà nước được xây dựng từ năm 1978 với tổng công suất sản xuất xi măng đạt 82.000 tấn/năm và 02 nhà máy gạch tuynel. Năm 2012, Công ty thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.

### Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị:

| Thời gian    | Sự kiện                                                            |
|--------------|--------------------------------------------------------------------|
| • 27/11/1992 | Quyết định số: 739-QĐ/UB của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thành lập |





|                   |                                                                                                                                                                                   |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   | doanh nghiệp Nhà máy xi măng Đông Hà                                                                                                                                              |
| • 03/11/1996      | Quyết định số: 1395/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đổi tên Nhà máy xi măng Đông Hà thành Công ty xi măng Quảng trị                                                         |
| • 20/06/2000      | Quyết định số: 911/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sáp nhập Xi nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Vĩnh Linh vào Công ty xi măng Quảng Trị                                    |
| • 10/05/2004      | Quyết định số: 1204/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đổi tên Công ty xi măng Quảng trị thành Công ty Đông Trường Sơn                                                         |
| • 28/06/2006      | Quyết định số: 1212/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Nhà nước Đông Trường Sơn thành Công ty TNHH một thành viên Đông Trường Sơn       |
| • 30/06/2006      | Quyết định số: 1231/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chuyển Công ty Nhà nước Đông Trường Sơn thành Công ty TNHH một thành viên Đông Trường Sơn                               |
| • 19/11/2009      | Quyết định số: 2384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh quản lý năm 2010                                                    |
| • 04/07/2012      | Quyết định số: 1181/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Đông Trường Sơn tại thời điểm 30/9/2011 để cổ phần hóa     |
| • 08/08/2012      | Quyết định số: 1408/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Đông Trường Sơn thành công ty cổ phần           |
| • 25/10/2012      | Quyết định số: 2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Đông Trường Sơn thành công ty cổ phần.  |
| • 27/07/2015      | Công ty hoàn tất quá trình thực hiện tăng vốn từ 40 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu                                                                |
| • Tháng 09/2020   | Công ty thực hiện tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông.                              |
| • Tháng 3/2021    | Thực hiện đầu tư mua 100% vốn cổ phần tại Công ty cổ phần Gạch Tuynel Minh Hưng, hoàn tất việc sáp nhập, nâng tổng số nhà máy gạch tuynel của Công ty lên 03 nhà máy Gạch tuynel. |
| • Ngày 26/07/2021 | Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo công văn số 3922/UBCK-GSĐC ngày 26/07/2021.                                                                       |
| • Tháng 11/2021   | Công ty thực hiện tăng vốn từ 160 tỷ đồng lên 165 tỷ đồng thông qua                                                                                                               |





hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng tại Sở GDCK TP HCM.

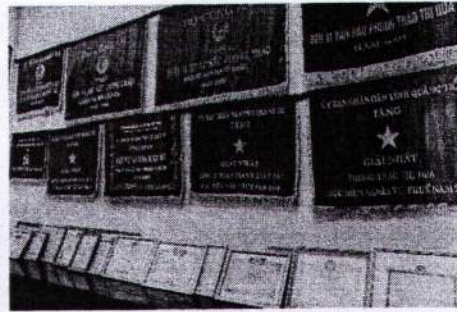
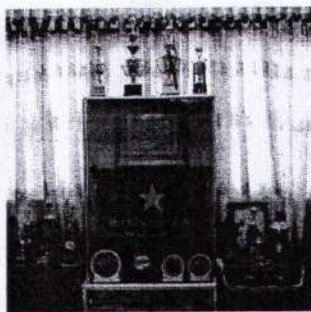
Phát triển từ một doanh nghiệp nhà nước với nền tảng sản xuất và kinh nghiệm vững chắc, Công ty đã không ngừng cải thiện hiệu quả bộ máy quản lý thông qua việc sắp xếp phòng ban, phân xưởng, bố trí nhân sự và đầu tư phương tiện giảm công việc nặng nhọc cho cán bộ công nhân viên, đồng thời thực hiện nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm các đối tác, phát triển kinh doanh và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động. Do đó, trong nhiều năm, Công ty đã liên tục nhận được những giải thưởng của Nhà nước về những đóng góp về hoạt động kinh doanh mà còn chương trình xã hội.

Một số thành tích, giải thưởng do Nhà nước, đơn vị trao tặng:

| Năm  | Hình thức khen thưởng                                                                                           | Năm  | Hình thức khen thưởng                                                                                              |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1995 | - Chủ tịch nước CHXNCN Việt Nam<br>tặng Huân chương lao động hạng Ba                                            | 2015 | - Bằng khen thành tích xây dựng,<br>phát triển Hiệp hội doanh nghiệp<br>- Bằng khen về hoàn thành nghĩa vụ<br>thuế |
| 2000 | - Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu<br>An Hùng lao động.                                                       | 2014 | - Cờ giải nhất nghĩa vụ thuế 2014<br>- Bằng khen Vượt mức nghĩa vụ thuế                                            |
| 2002 | - Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam<br>tặng Huân chương lao động hạng Ba                                            | 2016 | - Cờ Đơn vị dẫn đầu thi đua 2016 của<br>UBND tỉnh                                                                  |
| 2004 | - Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam<br>tặng Huân chương lao động hạng Nhì                                           | 2017 | - Cờ Đơn vị dẫn đầu thi đua 2017 của<br>UBND tỉnh                                                                  |
| 2011 | - Cờ giải nhất nghĩa vụ thuế 2011<br>- Bằng khen Hội khuyến học Việt Nam                                        | 2018 | - Bằng khen về quỹ khuyến học<br>2008-2018(10 năm)                                                                 |
| 2012 | - Bằng khen của BHH Việt Nam                                                                                    | 2019 | - Cờ Đơn vị dẫn đầu thi đua 2019 của<br>UBND tỉnh<br>- Ghi nhận tấm lòng vàng “Tết vì<br>người nghèo”              |
| 2013 | - Cờ xuất sắc toàn diện<br>- Cờ giải nhất thuế 2013<br>- Bằng khen của BCH Liên đoàn lao<br>động tỉnh Quảng trị | 2020 | - Bằng khen Vượt mức nghĩa vụ thuế<br>2020 của UBND tỉnh Quảng Trị                                                 |

**Hình 3: Một số hình ảnh giải thưởng của Công ty**





Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị

### 1.3 Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Tại thời điểm 29/10/2012, Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng). Công ty thực hiện 03 đợt tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng).

**Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ**

| Thời điểm     | Số vốn tăng thêm (tỷ đồng) | VDL sau tăng (tỷ đồng) | Cơ quan chấp thuận phát hành         | Hình thức tăng vốn                                                                                                                  |
|---------------|----------------------------|------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tháng 10/2012 | -                          | 40                     | Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị    | Doanh nghiệp một thành viên nhà nước trở thành Công ty cổ phần.                                                                     |
| Tháng 07/2015 | 10                         | 50                     | Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị    | Phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 04 cổ phần được nhận 01 cổ phần thêm).                                           |
| Tháng 09/2020 | 110                        | 160                    | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 32.199.660.000 đồng<br>Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 77.800.340.000 đồng. |
| Tháng 11/2021 | 5                          | 165                    | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước          | Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng: 5.000.000.000 đồng                                                                            |

Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị

#### Tăng vốn đợt 1: Tăng vốn tháng 07/2015: Tăng từ 40 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 50.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu





- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 1.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 76 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 76 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Trị theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 27/07/2015
- Căn cứ thực hiện: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 21/04/2015
- Hình thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể:
  - + Số lượng phát hành: 1.000.000 cổ phiếu
  - + Tỷ lệ phân bổ quyền: 4:1
  - + Ngày chốt Danh sách cổ đông: 21/04/2015
  - + Ngày hoàn thành đợt chào bán: 21/07/2015
  - + Số lượng cổ đông: 76 cổ đông

**Tăng vốn đợt 2: Tăng vốn tháng 09/2020, tăng từ 50 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến phát hành thêm: 110.005.000.000 đồng trong đó:
  - + Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 32.200.000.000 đồng
  - + Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 77.805.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 110.000.000.000 đồng trong đó:
  - + Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 32.199.660.000 đồng
  - + Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 77.800.340.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 160.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 76 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 81 cổ đông
- Căn cứ thực hiện: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 12/09/2020
- Cơ quan chấp thuận: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 ngày 30/09/2020
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn hoạt động của Tổ chức, bao gồm nhưng không giới hạn (i) Bổ sung vốn lưu động, phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh và (ii) Mua cổ phần và phần vốn góp trong các công ty. Cụ thể: vốn được sử dụng bổ sung vốn lưu động (mua nguyên vật liệu, khoản đầu tư tài chính), mua 100% cổ phần tại Công ty cổ phần gạch tuynel Minh Hưng.
- Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

**Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu**

- + Số lượng dự kiến phát hành: 3.220.000 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 3.219.966 cổ phiếu





- + Tỷ lệ phân bổ quyền nhận cổ phiếu thưởng: 250:161
- + Ngày chốt Danh sách cổ đông: 12/09/2020
- + Thời gian hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng: 30/09/2020
- + Số lượng cổ đông có quyền nhận cổ phiếu thưởng: 76 cổ đông
- + Số lượng cổ đông sau phát hành: 76 cổ đông.

**Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu**

- + Số lượng dự kiến phát hành: 7.780.500 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 7.780.034 cổ phiếu
- + Tỷ lệ phân bổ quyền mua cổ phiếu: 10.000 : 15.561
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày chốt Danh sách cổ đông: 12/09/2020
- + Ngày hoàn tất đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu: 30/09/2020
- + Số lượng cổ đông được quyền mua: 76 cổ đông
- + Số lượng cổ đông sau phát hành: 81 cổ đông

**Tăng vốn đợt 3: Tăng vốn tháng 11/2021, tăng từ 160 tỷ đồng lên 165 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 160.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến phát hành thêm: 165.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 5.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 165.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 163 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 173 cổ đông
- Căn cứ thực hiện: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 20/NQ- ĐHĐCĐ 2021 ngày 27/02/2021
- Cơ quan chấp thuận: Giấy phép chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 223/GP-UBCK Ngày 04/10/2021.
- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn lưu động (mua nguyên vật liệu) phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hình thức phát hành: Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

**Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng:**

- + Số lượng dự kiến phát hành: 500.000 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 500.000 cổ phiếu
- + Giá trúng đấu giá bình quân: 22.014 đồng/cổ phiếu
- + Ngày hoàn thành đợt chào bán : 25/11/2021.
- + Số lượng cổ đông được phân phối: 10 cổ đông
- + Số lượng cổ đông sau phát hành: 173 cổ đông.

**1.4 Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng**



Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: Ngày 04/01/2021

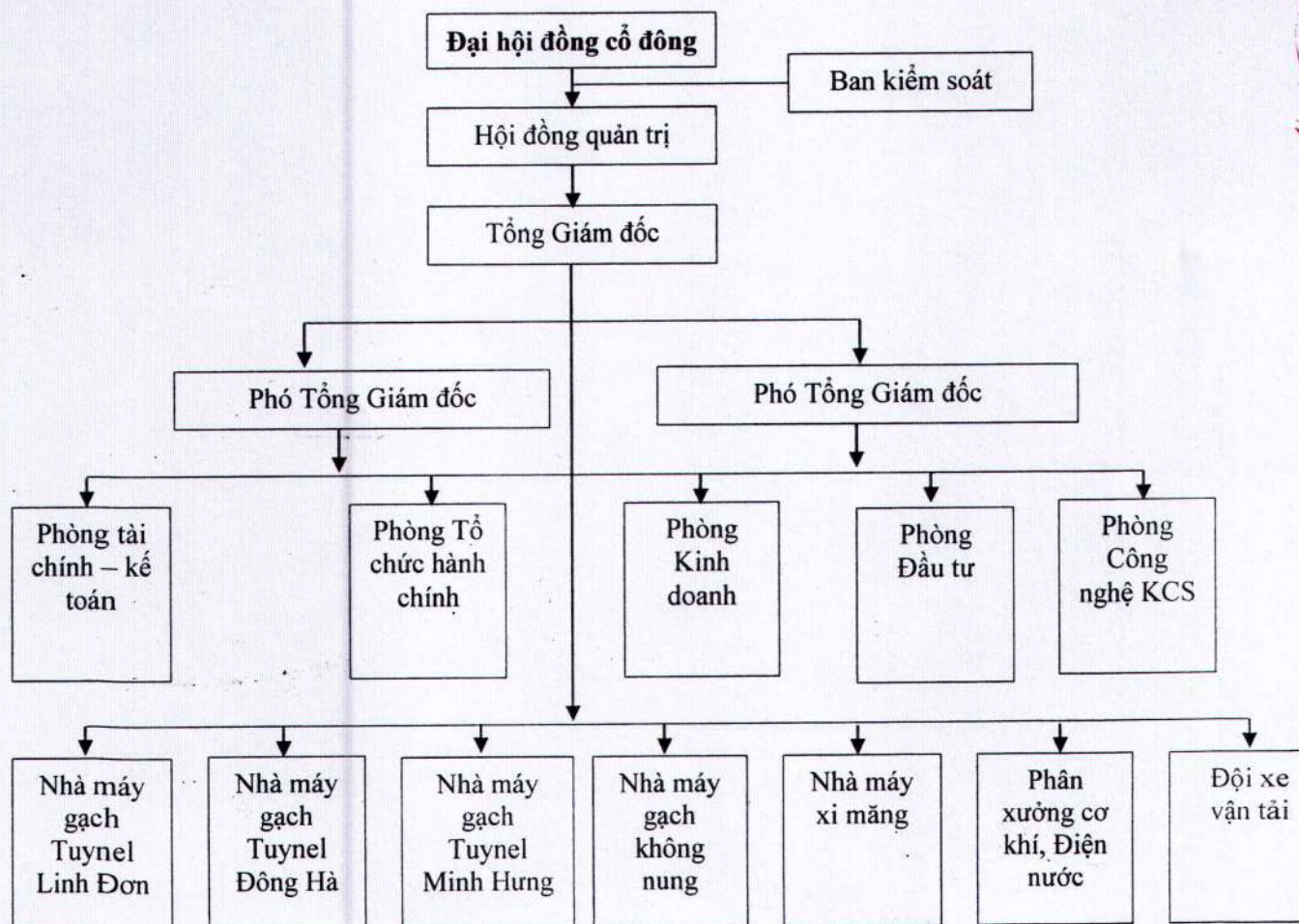
Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 04/01/2021, bao gồm:

- Số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn: 100 cổ đông
- Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải cổ đông lớn: 4.056.343 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 25,35%)
- Ngày 26/07/2021, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận ngày đăng ký Công ty đại chúng của Công ty theo Công văn số 3922/UBCK-GSĐC.

## 2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

**Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**



*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

### 2.1. Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)





Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua báo cáo tài chính năm;
  - Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.
  - Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
  - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

## **2.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;





- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- |                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Lê Đình Sung    | Chủ tịch HĐQT   |
| - Bà Phạm Thị Mỹ Liên | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Cảnh Bình  | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Tú   | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trương Đức Trí  | Thành viên HĐQT |

### 2.3. Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- Ông Võ Thanh Sơn - Trưởng ban
- Ông Lê Đức - Thành viên
- Ông Phạm Quốc Hải - Thành viên

### 2.4. Ban Tổng Giám đốc (TGD)

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;





- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

- |                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông Trần Cảnh Bình  | Tổng Giám đốc     |
| - Bà Phạm Thị Mỹ Liên | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Đặng Sĩ Tiếp    | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Bá Hải   | Kế toán trưởng    |



## 2.5. Các ban chức năng

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Công ty có 05 Phòng ban chức năng chính và các đơn vị hỗ trợ như đội xe vận tải, phân xưởng cơ khí.

### Phòng tổ chức hành chính

Phòng tổ chức hành chính là đơn vị chức năng chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban TGD. Ban thực hiện các chức năng hành chính như tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, lao động tiền lương, vệ sinh lao động và văn hóa doanh nghiệp.

### Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán là đơn vị chức năng chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban TGD. Phòng Tài chính kế toán có nhiệm vụ chính là thực hiện công tác tài chính – kế toán – thống kê trong toàn Công ty theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

### Phòng đầu tư

Phòng Đầu tư là đơn vị chức năng chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban TGD. Phòng Đầu tư có nhiệm vụ chính thực hiện tham mưu cho Ban điều hành về định hướng chiến lược phát triển của Công ty trong lĩnh vực đầu tư, tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, trung và dài hạn, xây dựng nhu cầu nguồn vốn và đánh giá tình hình hoạt động đầu tư của Công ty.

### Phòng Kinh doanh





Phòng Kinh doanh có chức năng thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác mua bán, tiêu thụ sản phẩm. Các hoạt động duy trì và phát triển kinh doanh, thực hiện xây dựng hệ thống phân phối trên địa bàn được phụ trách và các hoạt động nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, định hướng công tác bán sản phẩm.

**Phòng Công nghệ KCS:** là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

#### **Phân xưởng cơ khí, điện nước**

Thực hiện các chức năng quản lý kỹ thuật, sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất, vận hành, sửa chữa, nghiên cứu khoa học công nghệ và môi trường.

#### **Đội xe vận tải**

Thực hiện các chức năng vận tải, giao nhận hàng hóa phối hợp với các hoạt động vận chuyển, kho bãi.

#### **Hệ thống nhà máy sản xuất**

Hiện nay, Công ty sở hữu 05 nhà máy sản xuất trong đó 01 nhà máy xi măng, 03 nhà máy sản xuất gạch tuynel và 01 nhà máy sản xuất gạch không nung. Các nhà máy sản xuất của Công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của Công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, Kỹ thuật, Kho vận. Điều hành mỗi nhà máy sản xuất là 1 Giám đốc nhà máy.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

### **3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

#### **3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

**Bảng 2. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại ngày 28/11/2021**

| STT | Tên | Địa chỉ | Số CMND/<br>CCCD | Số lượng<br>CP | Tỷ lệ<br>%/VĐL |
|-----|-----|---------|------------------|----------------|----------------|
|-----|-----|---------|------------------|----------------|----------------|





| STT | Tên                                                              | Địa chỉ                                                 | Số CMND/<br>CCCD                         | Số lượng<br>CP | Tỷ lệ<br>%/VDL |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|----------------|
| 1   | Lê Đình Sung                                                     | Số 46, Lê Duẩn, Phường I, Tp. Đông Hà, Quảng Trị        | 190112325                                | 2.316.185      | 14,04%         |
| 2   | Phạm Thị Mỹ Liên                                                 | Số 46, Lê Duẩn, Phường I, Tp. Đông Hà, Quảng Trị        | 190997667                                | 2.250.000      | 13,64%         |
| 3   | Lê Đình Minh                                                     | Số 46, Lê Duẩn, Phường I, Tp. Đông Hà, Quảng Trị        | 197216695                                | 830.836        | 5,04%          |
| 4   | Trần Thiên Như An                                                | Khu phố 8, Phường 5, thành phố Đông Hà, Quảng Trị       | 197090781                                | 2.880.000      | 17,45%         |
| 5   | Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26/10/2010 | 2.400.000      | 14,54%         |

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

### 3.2. Cơ cấu cổ đông

**Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/11/2021**

| Danh mục                      | Số lượng cổ đông | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%) |
|-------------------------------|------------------|--------------------|----------------------------|
| <b>I. Cổ đông trong nước</b>  |                  |                    |                            |
| • Cổ đông tổ chức             | 1                | 2.400.000          | 14,54%                     |
| • Cổ đông cá nhân             | 172              | 14.100.000         | 85,45%                     |
| • Cổ đông ưu đãi              | -                | -                  | -                          |
| <b>II. Cổ đông nước ngoài</b> | -                | -                  | -                          |
| <b>III. Cổ phiếu quỹ</b>      | -                | -                  | -                          |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>173</b>       | <b>16.500.000</b>  | <b>100%</b>                |
| Trong đó:                     |                  |                    |                            |
| - Cổ phiếu phổ thông          | 173              | 16.500.000         | 100%                       |
| - Cổ phiếu ưu đãi             | -                | -                  | -                          |

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*





4. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết .**

Không có.

5. **Hoạt động kinh doanh**

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị là đơn vị chuyên sản xuất và cung ứng các mặt hàng vật liệu xây dựng như xi măng, gạch tuynel, gạch không nung, đá xây dựng,...chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, các tỉnh lân cận như Huế, Đà Nẵng, Quảng Bình và xuất khẩu một phần qua các tỉnh bạn Lào thông qua cửa khẩu Lao Bảo. Hoạt động kinh doanh chính mang lại doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ 02 hoạt động chính (1) sản xuất và kinh doanh xi măng (2) Sản xuất và kinh doanh gạch xây dựng (Gạch nung, gạch không nung, gạch terrazzo) Hiện nay, Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị sở hữu 01 nhà máy sản xuất xi măng, 03 nhà máy sản xuất gạch tuynel và 01 nhà máy sản xuất gạch không nung.

**Bảng 4. Tổng sản lượng sản xuất tại các nhà máy của Công ty**

| TT | Loại sản phẩm   | Đơn vị tính | Năm 2019   | Năm 2020   | 9 tháng/2021 |
|----|-----------------|-------------|------------|------------|--------------|
| 1  | Gạch tuynel     | Viên        | 50.685.586 | 51.071.892 | 51.964.371   |
| 2  | Gạch không nung | Viên        | 3.071.624  | 907.050    | 1.583.225    |
| 3  | Gạch terrazzo   | M2          | 40.886     | 34.020     | 18.542       |
| 4  | Xi măng         | Tấn         | 72.920     | 101.093    | 82.130       |

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

Năm 2020, Công ty sản xuất hơn 51 triệu viên gạch nung tăng 6,79% sản lượng sản xuất năm 2019; sản xuất 900 nghìn viên gạch không nung giảm 70,47% so với năm 2019; hơn 34.000 m2 gạch terrazzo giảm 16,7% so với năm 2019, sản xuất 101.093 tấn tăng 38,63% so với năm 2019. Sản lượng gạch không nung và gạch terrazzo sản xuất năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 là do đặc thù sản phẩm cung cấp chủ yếu cho các công trình có vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Trong năm 2020, do tác động của dịch bệnh diễn ra phức tạp khiến cho các công trình đầu tư công chưa được triển khai, do đó, Công ty thực hiện điều chỉnh sản lượng sản xuất để tránh hàng tồn kho quá lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh.

9 tháng năm 2021, sản lượng sản xuất gạch nung của Công ty đạt 51,9 triệu viên, bằng 101,7% sản lượng sản xuất cả năm 2020; sản lượng gạch không nung đạt 1,58 triệu viên, bằng 174,2% sản lượng sản xuất cả năm 2020; sản lượng gạch terrazzo đạt 18.543 m2 bằng 54,5% sản lượng sản xuất cả năm 2020; sản lượng xi măng đạt 82.130 tấn bằng 81,24% sản lượng xi măng cả năm 2020.

**Nhà máy 1: Nhà máy xi măng Quảng Trị**





Vị trí nhà máy: Km8, Quốc lộ 9, Cam Hiếu, Cam Lộ, Quảng Trị

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 67.421 m<sup>2</sup>

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Nhà máy thực hiện nhập clinker từ các nhà máy xi măng lò quay lớn như VICEM về nghiền và trộn phụ gia sản xuất xi măng Trường Sơn, đồng thời gia công cho Công ty xi măng Sông Gianh.

Năm hoạt động: 1995

Công suất thiết kế: 160.000 tấn/năm

Nhà máy xi măng hoạt động với 02 phân xưởng chính chứa dây chuyền nghiền xi măng, ngoài ra còn có các phân xưởng cơ khí, điện nước, nhà bếp ăn tập thể, phòng kỹ thuật,...

**Nhà máy 2: Nhà máy gạch tuynel Đông Hà**



Vị trí nhà máy: Km8, Quốc lộ 9, Phường 4, TP. Đông Hà, Quảng Trị

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 41.725 m<sup>2</sup>

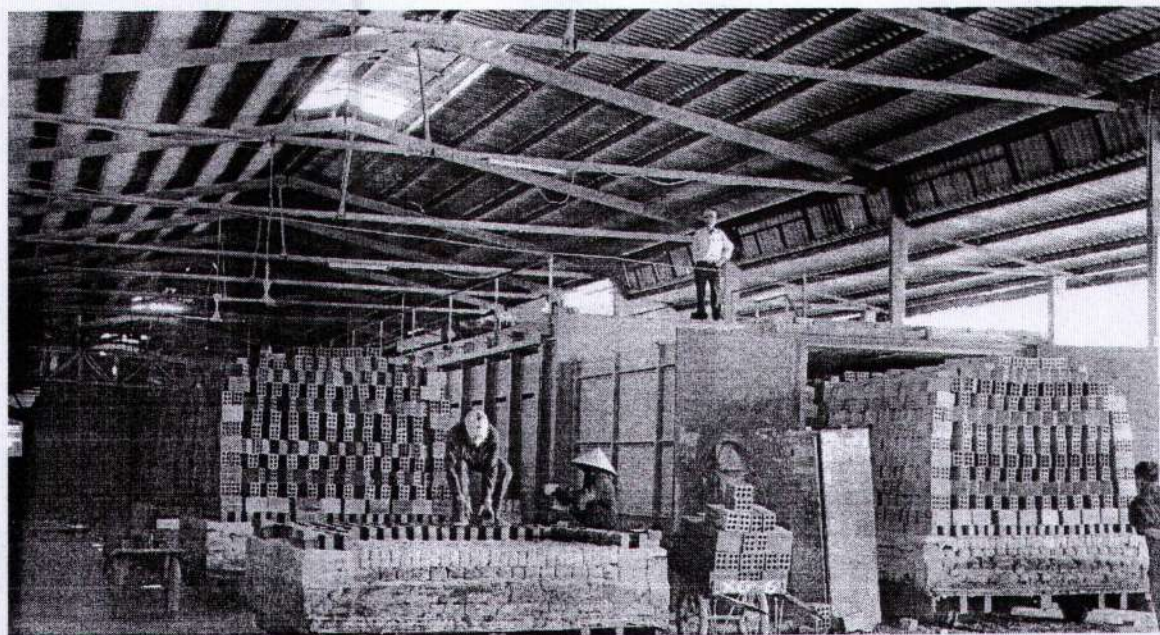


Năm chính thức đi vào hoạt động: 2002

Công suất hoạt động hiện nay: 33 triệu viên/năm

Nhà máy xi măng hoạt động với 02 phân xưởng chính là phân xưởng tạo hình và lò nung, ngoài ra còn có tổ cơ điện và bếp ăn tập thể.

**Nhà máy 3: Nhà máy gạch tuynel Linh Đơn**



Vị trí: Thôn Linh Đơn, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

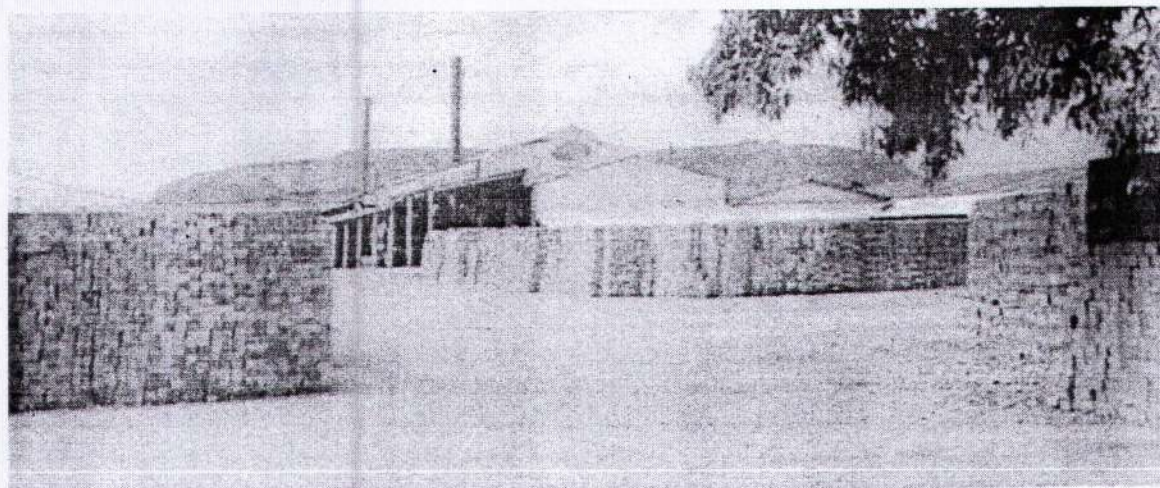
Năm hoạt động: 2001

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 40.453 m<sup>2</sup>

Công suất hoạt động hiện nay: 20 triệu viên/năm

Quy mô nhà máy: Nhà máy gồm 02 khu chính là phân xưởng tạo hình và lò nung, ngoài ra còn có tổ cơ điện và bếp ăn tập thể.

**Nhà máy 4: Nhà máy gạch tuynel Minh Hưng**





Vị trí nhà máy: Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 36.773 m<sup>2</sup>

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2005

Công suất hoạt động: 22 triệu viên/năm

Quy mô nhà máy: Nhà máy gồm 02 khu chính, cụ thể:

- + Phân xưởng sản xuất: là nơi đặt hệ thống lò nung tuynel sản xuất gạch khép kín từ đầu vào nguyên liệu cho đến tạo hình thành phẩm, sấy, nung.
- + Khu khác: tổ cơ điện, bếp ăn tập thể,...

**Nhà máy 5: Nhà máy gạch không nung**



Vị trí nhà máy: Km8, Quốc lộ 9, Cam Hiếu, Cam Lộ, Quảng Trị

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2017

Công suất thiết kế: 10 triệu viên gạch không nung/năm và 180.000 m<sup>2</sup> gạch terrazzo/năm

Quy mô nhà máy: Nhà máy được xây dựng cạnh nhà máy xi măng nhằm tiết kiệm chi phí vận chuyển nguyên liệu đầu vào sản xuất (xi măng, đá,...).

## 5.1. Sản phẩm và dịch vụ của Công ty qua các năm

### 5.1.1 Gạch nung

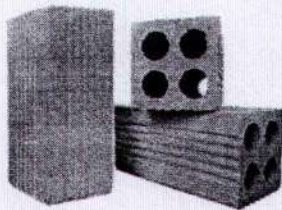
Gạch Tuynel là sản phẩm làm từ đất sét, trải qua quá trình ngâm ủ kỹ theo đúng thời gian quy định rồi đưa vào quá trình sản xuất. Gạch Tuynel được nung nóng ở mức nhiệt trên 1000<sup>o</sup> C nên thành phẩm có màu đỏ tự nhiên, đều màu, bề mặt mịn, đảm bảo tính chống ẩm, chống cháy và cách âm. Gạch Tuynel còn có khả năng chịu nhiệt, hạn chế bén lửa, do đó làm giảm các thiệt hại do cháy và tránh được tình trạng sản sinh ra khí độc. Đồng thời khả năng chống ẩm cao, giúp ngăn ngừa việc tích tụ hơi nước, giữ được không khí thông thoáng, có lợi cho người sử dụng, đảm bảo cho các công trình đạt tuổi thọ đến mức tối đa, khả năng chống chịu với các loại thời tiết. Đây cũng là loại gạch được đánh giá là loại vật liệu tồn tại được rất lâu và chịu lực cực tốt.





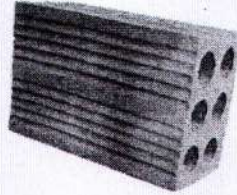
**Bảng 5: Một số sản phẩm Gạch tuynel Công ty cung cấp**

**Gạch Tuynel 4 lỗ**



Kích thước: 200 x 95 x  
95 (mm)

**Gạch Tuynel 6 lỗ**



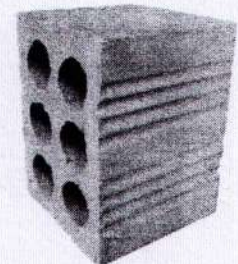
Kích thước: 200 x 140 x  
95 (mm)

**Gạch Tuynel đặc**



Kích thước: 200 x  
100 x 60 (mm)

**Gạch Tuynel nửa 6  
lỗ**



Kích thước: 200 x  
100 x 60 (mm)

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

**Giấy chứng nhận chất lượng**



**5.1.2 Gạch không nung**

**Gạch không nung bê tông cốt liệu**

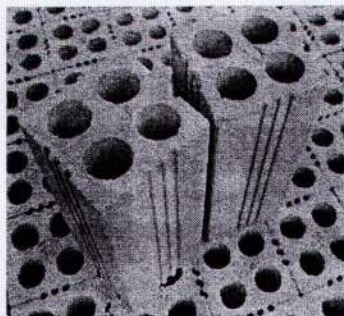
Gạch không nung bê tông cốt liệu được phối trộn từ xi măng, đá mi, đá mui, cát, .... Việc sử dụng các vật liệu này giúp giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường và an toàn cho sức khỏe của người lao động, do đó được chính phủ khuyến khích sử dụng và yêu cầu sử dụng bắt buộc trong các dự án sử dụng vốn nhà nước, công trình công cộng. Gạch không nung đáp ứng hầu hết các yêu cầu về kỹ thuật, không gây ô nhiễm môi trường, tiết kiệm chi phí xây dựng, dễ sử dụng do dùng vữa như gạch nung tuy nhiên tốc độ xây dựng nhanh hơn và được ứng dụng phổ biến trong các công trình xây dựng.



Các sản phẩm gạch không nung của Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị mang nhiều ưu điểm như: có nhiều kích thước khác nhau phù hợp với nhu cầu của từng công trình, cường độ nén của gạch cao (thông thường là  $> 75\text{kg/cm}^2$ ) nên được sử dụng để xây nhà ở, nhà cao tầng...

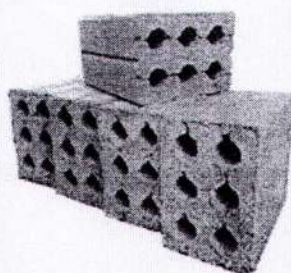
Một số sản phẩm gạch không nung:

### Gach 4 lổ



Kích thước: 200 x 95 x 95  
(mm)

### Gạch 6 lỗ



Kích thước: 200 x 140 x 95  
(mm)

## Gạch Đặc



Kích thước: 200 x 100 x 60  
(mm)



## PHI LƯC CHỨNG NHẬN

(Chứng nhận giá trị của các sản phẩm và dịch vụ được sản xuất và cung cấp theo các tiêu chuẩn của Việt Nam và/hoặc các tiêu chuẩn quốc tế)

**Họ và tên:** \_\_\_\_\_

**Công ty Cổ phần Minh Hoàng Quảng Trị**

**Số nội dung đăng ký:** **04027-2018-01**

**Số CN:** \_\_\_\_\_

Số và chữ: Mười, Bốn nghìn và Một trăm và Bốn mươi Hai, Triệu, Bốn trăm và Bốn mươi Hai, Vạn.

Trong số các sản phẩm và dịch vụ được chứng nhận theo Chứng chỉ này, có: Mười và Một nghìn và Bốn trăm và Bốn mươi Hai, Triệu, Bốn trăm và Bốn mươi Hai, Vạn.

**QUYỀN CHỦ QUYỀN HUYỀN:**

**QUYỀN 10-2017, ENA** (Quyền chính quyền được cấp và các sản phẩm tương đương về sản phẩm)

**QUYỀN HUYỀN CHỦ QUYỀN HUYỀN (EN-10-2017)**

| STT | Tên sản phẩm và dịch vụ | Đơn vị chứng nhận | Loại chứng chỉ | Mức giá        | Thời hạn hiệu lực |
|-----|-------------------------|-------------------|----------------|----------------|-------------------|
| 1   | Cách 10-2017            | Cách 10-2017-EN   | EN-10-2017     | 10.000.000 VND | 10.000.000 VND    |
| 2   | Cách 10-2017            | Cách 10-2017-EN   | EN-10-2017     | 10.000.000 VND | 10.000.000 VND    |
| 3   | Cách 10-2017            | Cách 10-2017-EN   | EN-10-2017     | 10.000.000 VND | 10.000.000 VND    |

**NGƯỜI CHỨNG NHẬN:** \_\_\_\_\_

**Ngày 23 tháng 11 năm 2018**

  
**Thị Thanh Hằng**

Ủy ban Quản lý và Phát triển Sản phẩm và Dịch vụ  
 Bộ Tài nguyên và Môi trường  
 Số 10/2017/UBQP-VN (Ban hành theo Quyết định 10/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)

[illegible][illegible]

**Loại gạch block rỗng công nghiệp (gạch block rỗng)**

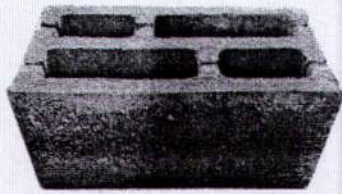
Được cải tiến theo loại gạch phổ biến tại các nước khác trên thế giới như: Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Trung Quốc,... đa phần các loại gạch này có lỗ rỗng lớn, thành vách mỏng, do đó cách âm, cách nhiệt tốt đồng thời rút ngắn thời gian xây dựng và tiết kiệm vữa xây, phạm vi ứng dụng rộng rãi.

## Gạch Block rỗng

## Gạch Block rỗng

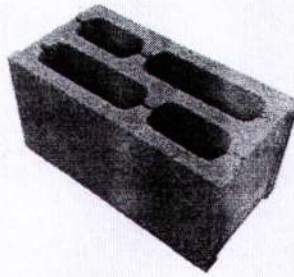
## Gạch Block rỗng



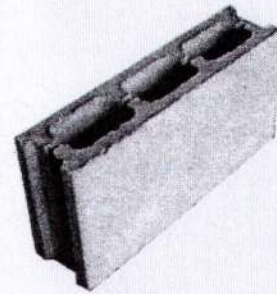


Kích thước: 390 x 190 x 150  
(mm)

**Gạch Block đặc**

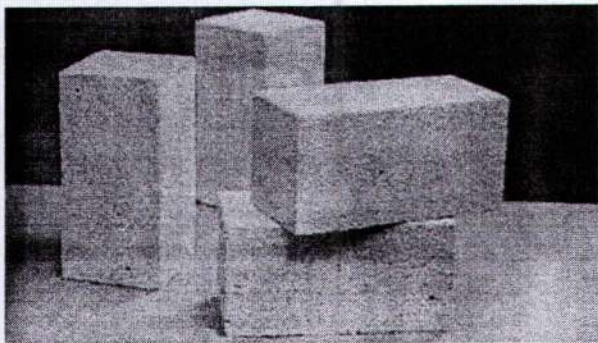


Kích thước: 390 x 200 x 190  
(mm)



Kích thước: 390 x 190 x 100  
(mm)

**Gạch Block đặc**



Kích thước: 300 x 200 x 150 (mm)



Kích thước: 270 x 170 x 120 (mm)

### **Gạch Terrazzo**

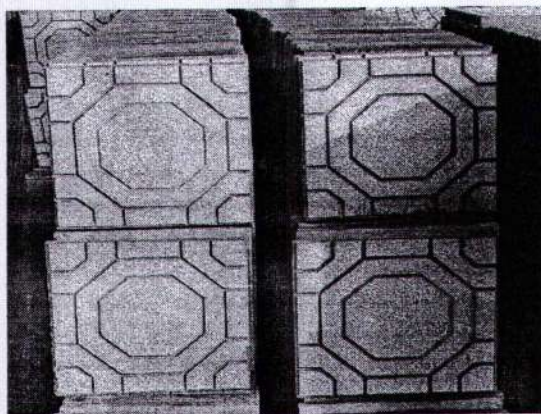
Tương tự như gạch không nung bê tông cốt liệu, Gạch Terrazzo sản xuất tại Công ty cổ phần Minh Hưng là loại gạch xi măng sản xuất theo công nghệ ép kín hơi với dây chuyền thiết bị hiện đại. Có khả năng làm nổi bật vẻ đẹp của chất liệu cấu thành do cấu trúc đồng nhất và chắc rắn, được đánh bóng bề mặt. Với lực ép lên đến vài trăm tấn cho phép Gạch Terrazzo đạt được các thông số kỹ thuật, chất lượng cao nhất mà không cần dùng tới cốt thép bên trong cho dù kích thước viên gạch lên tới 400x400mm, đa dạng về màu sắc, hoa văn đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng. Gạch terrazzo thường được sử dụng nhiều trong các công trình công cộng như lát vỉa hè, đường phố,....

Một số sản phẩm gạch terrazzo:

**Gạch lát nền Terrazzo Bát giác**

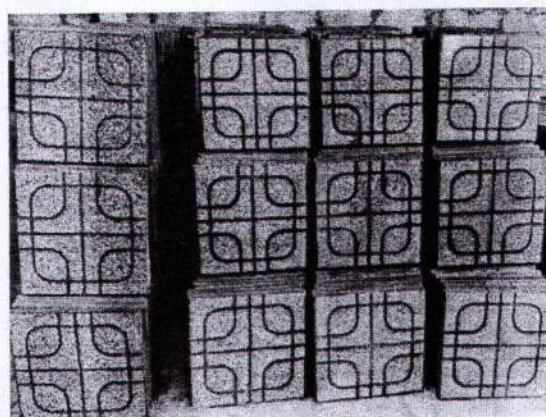
**Gạch lát nền Terrazzo chữ Thọ**





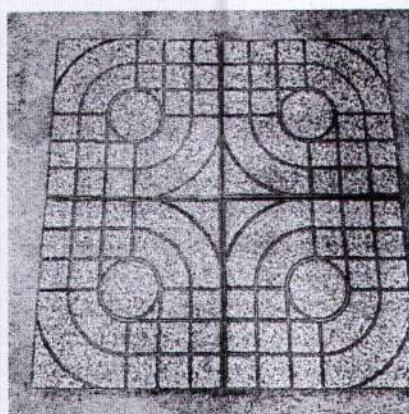
Kích thước: 400 x 400 x 30 (mm)

**Gạch lát nền Terrazzo Mắt Nai**

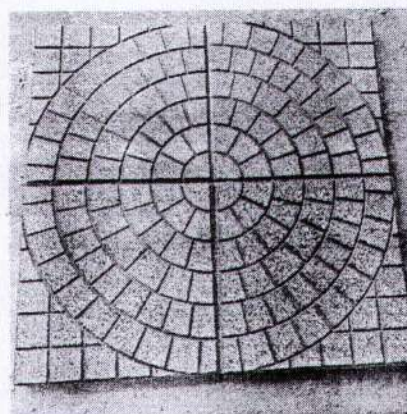


Kích thước: 400 x 400 x 30 (mm)

**Gạch lát nền Terrazzo Cánh Quạt**



Kích thước: 300 x 300 x 30 (mm)



Kích thước: 300 x 300 x 30 (mm)

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

### **5.1.3 Xi măng Poóc Lãng hỗn hợp (PC 30 và PC 40)**

#### ***Xi măng Poóc lãng hỗn hợp PCB30:***

Là loại xi măng Poóc lãng hỗn hợp (PCB30) được sử dụng nhiều tại các thị trường miền Trung Việt Nam, với cường độ ổn định, đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định của TCVN 6260 : 2009. Phù hợp cho tất cả các công trình dân dụng và công nghiệp (từ khi đổ móng, cột, sàn nhà, mái đến công tác xây, trát và cho đến công tác hoàn thiện), các công trình giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng cơ sở. Với các tính năng như chất lượng ổn định, độ dẻo cao, thời gian đông kết hợp lý, cường độ phát triển ổn định nên giảm hiện tượng nứt do thời tiết, do đó phù hợp cho tất cả các công trình dân dụng và công nghiệp (từ khi đổ móng, cột, sàn nhà, mái đến công tác xây, trát và cho đến công tác hoàn thiện); các công trình giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng.

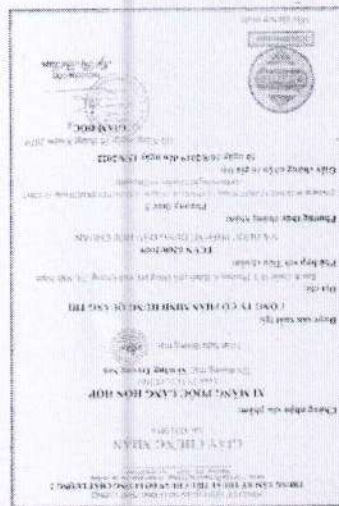
#### ***Xi măng Poóc lãng hỗn hợp PCB40 Trường Sơn:***

Là loại xi măng Poóc lãng hỗn hợp (PCB40) được sử dụng thông dụng ở các vùng có điều kiện khắc nghiệt, các vùng đồng bằng chiêm chũng hay ngập lụt miền Trung Việt Nam, với chất lượng ổn định, cường độ cao, đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định của TCVN 6260: 2009. Phù hợp cho tất cả



các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng cơ sở, cũng như các công trình yêu cầu với cường độ cao và phát triển sớm. Đặc biệt phù hợp với các kết cấu móng, dầm, cột, các cấu kiện bê tông khối lớn.

**PC 30 Trường Sơn**



**PC 40 Trường Sơn**



### 5.1.4 Cơ cấu sản lượng và doanh thu

**Bảng 6. Cơ cấu Doanh thu thuần năm 2019-2020 và 9 tháng năm 2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Sản phẩm                             | Năm 2019       | Năm 2020       | 9 Tháng /2021  |
|----|--------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
|    |                                      | Gia trị % DTT  | Gia trị % DTT  | Gia trị % DTT  |
| 1  | Gạch nung                            | 41.897         | 44.848         | 69.920         |
| 2  | Gạch không nung/gạch terrazzo        | 5.707          | 2.368          | 3.232          |
| 3  | Xi măng                              | 45.593         | 69.430         | 52.607         |
| 4  | Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ khác | 2.139          | 1.757          | 9.498          |
|    | <b>Tổng cộng</b>                     | <b>102.449</b> | <b>118.404</b> | <b>135.257</b> |
|    |                                      | 100%           | 100%           | 100%           |





*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

Năm 2020, Doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 118 tỷ đồng, tăng 16 tỷ đồng, tương đương 16% so với năm 2019; trong đó doanh thu xi măng tăng 23,8 tỷ đồng (tương ứng tăng 52% so với năm 2019), doanh thu gạch nung thành phẩm tăng hơn 3 tỷ đồng (tương đương tăng 7% so với năm 2019), doanh thu gạch không nung/gạch terrazzo giảm hơn 3 tỷ đồng do tác động tiêu cực của dịch bệnh khiến cho các dự án đầu tư công yêu cầu sử dụng vật liệu không nung bị tạm hoãn.

09 tháng đầu năm 2021, Công ty đạt mức doanh thu thuần hơn 135 tỷ đồng, bằng 114% doanh thu thuần cả năm 2020 và đạt 80% kế hoạch doanh thu năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông đề ra, trong đó đóng góp gần 52% doanh thu đến từ bán gạch nung thành phẩm, hơn 38% doanh thu đến từ sản phẩm xi măng và 10% từ các sản phẩm, dịch vụ khác. Doanh thu 09 tháng đầu năm 2021 tăng mạnh do các yếu tố sau:

- Nhu cầu vật liệu xây dựng dân dụng tăng cao do nhu cầu sửa chữa lại công trình dân dụng, nhà ở, cầu đường tại miền Trung tăng mạnh khiến cho nguồn khách hàng mua lẻ của Công ty tăng. Bên cạnh đó, chính sách điều chỉnh giá vật liệu xây dựng phù hợp với xu hướng tăng chung của thị trường đã tác động tích cực đến doanh thu của Công ty.
- Về phía Công ty, từ năm 2020, Công ty thực hiện các hoạt động tái cấu trúc, M&A các Công ty cùng ngành nhằm mở rộng thị trường và quy mô sản xuất của Công ty. Việc mua nhà máy gạch Tuynel Minh Hưng nâng tổng số nhà máy sản xuất gạch nung của Công ty lên 03 nhà máy tại các địa phương giúp cho mạng lưới cung cấp sản phẩm của Công ty được mở rộng, tạo ưu thế về chi phí, hỗ trợ tiếp cận khách hàng.

Về cơ cấu doanh thu, doanh thu bán hàng năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán thành phẩm (gạch nung, xi măng, gạch không nung/gạch terrazzo/..), trong đó doanh thu từ gạch nung và xi măng chiếm trên 90% tổng doanh thu thuần – là hoạt động sản xuất cốt lõi của Công ty. Ngoài ra công ty còn kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng khác như bột đá, đá xây dựng và cung cấp dịch vụ vận chuyển,...

**Bảng 7. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2019, năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Sản phẩm  | 2019    |                 | 2020    |                 | 9 tháng 2021 |                 |
|----|-----------|---------|-----------------|---------|-----------------|--------------|-----------------|
|    |           | Giá trị | % Lợi nhuận gộp | Giá trị | % Lợi nhuận gộp | Giá trị      | % Lợi nhuận gộp |
| 1  | Gạch nung | 4.903   | 29,51%          | 4.916   | 21,93%          | 18.191       | 55,77%          |





|   |                        |               |             |               |             |               |             |
|---|------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
| 2 | Gạch không nung        | 1.107         | 6,66%       | 476,2         | 2,12%       | 825           | 2,53%       |
| 3 | Xi măng                | 10.125        | 60,93%      | 16.703        | 74,52%      | 13.013        | 39,89%      |
| 4 | Sản phẩm, dịch vụ khác | 482,2         | 2,9%        | 318,9         | 1,42%       | 589           | 1,81%       |
|   | <b>Tổng cộng</b>       | <b>16.617</b> | <b>100%</b> | <b>22.415</b> | <b>100%</b> | <b>32.618</b> | <b>100%</b> |

Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị

Năm 2020, Lợi nhuận gộp của Công ty đạt 22,4 tỷ đồng tăng 5,8 tỷ đồng, tương đương tăng 35% so với năm 2019; trong đó lợi nhuận gộp của mảng xi măng tăng 6,6 tỷ đồng, tương đương tăng 65% so với năm 2019, lợi nhuận gộp của mảng gạch nung không thay đổi nhiều trong khi lợi nhuận gộp mảng gạch không nung giảm mạnh tương ứng với giảm doanh thu trong mảng này. Lợi nhuận gộp của Công ty trong 09 tháng đầu năm 2021 đạt 32,6 tỷ đồng, bằng 146% so với lợi nhuận gộp của cả năm 2020. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần năm 2020 đối với các mảng hoạt động đều có sự tăng trưởng, biên lợi nhuận gộp đối với mảng gạch nung tăng từ 11% (năm 2020) lên 27% (06 tháng đầu năm 2021); xi măng tăng từ 23% (năm 2020) lên 26% (09 tháng đầu năm 2021).

Biên lợi nhuận gộp của Công ty có sự tăng trưởng là do trong năm 2021 Công ty thực hiện điều chỉnh giá bán vật liệu xây dựng phù hợp với tình hình thị trường vật liệu xây dựng trên cả nước. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện hoạt động tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, khiến cho biên lợi nhuận của Công ty tăng đáng kể.

Cơ cấu lợi nhuận gộp tỷ lệ thuận với cơ cấu doanh thu, chủ yếu đến từ hoạt động bán thành phẩm như gạch, xi măng. Lợi nhuận gộp từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ.

## 5.2. Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào

Nguyên vật liệu chiếm khoảng 54% tổng giá vốn sản xuất của Công ty. Nguyên vật liệu dùng sản xuất chủ yếu bao gồm đất sét, clinker và than đá. Với trữ lượng 82 triệu m<sup>3</sup> đất sét tại 18 mỏ trên địa bàn tỉnh, tập trung tại một số địa phương như Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng. Các mỏ khai thác gần với nhà máy sản xuất khiến cho Công ty giảm thiểu được chi phí vận chuyển nguyên vật liệu, thuận tiện cho hoạt động sản xuất. Thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Chính phủ về nguồn đất sử dụng sản xuất gạch tuynel, toàn bộ nguồn đất sử dụng của Công ty là đất sét đồi, được thu mua và tích trữ khối lượng lớn nhằm đảm bảo khả năng sản xuất liên tục và chất lượng sản phẩm. Nguồn clinker phục vụ sản xuất xi măng poóc lăng thương phẩm theo tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 7024-2002 được nhập trực tiếp từ Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, do đó sản phẩm Xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 và PCB30 của Công ty có chất lượng ngang bằng với các thương hiệu nổi tiếng như Bim Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Mai, Sông Gianh ..... Nguồn Clinker được dự trữ trong các Xilo nhà máy, sẵn sàng sản xuất phục vụ kịp thời nhu cầu của thị trường. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện nhập tích trữ than đá phục vụ quá trình đốt lò nung.





**Bảng 8: Nguồn nguyên vật liệu sản xuất Công ty đang dự trữ**

| STT | Tên nguyên vật liệu | Giá trị dự trữ ước tính | Thời gian sử dụng ước tính còn lại |
|-----|---------------------|-------------------------|------------------------------------|
| 1   | Đất sét             | 520.000 m <sup>3</sup>  | Gần 5 năm                          |
| 2   | Than đá             | 2.000 tấn               | Gần 3 tháng                        |

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị.*

**Bảng 9: Danh sách một số nhà cung cấp lớn của Công ty**

| TT | Tên đối tác                       | Sản phẩm             | Giá trị giao dịch (*)<br>(tr. Đồng) | Thời gian thực hiện<br>(**) |
|----|-----------------------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------------|
| 1  | Công ty TNHH MTV Châu Hoàng Khang | Đất sét tận thu      | 3.975                               | 03/09/2020                  |
| 2  | CTCP Xi măng Vicem Hải Vân        | Clinker Cpc 50       | 24.150                              | 31/12/2020                  |
| 3  | Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh   | Than Cám 6A          | 25.057                              | 01/04/2020                  |
| 4  | Công ty TNHH Thạch cao Miền Trung | Clinker, Thạch cao   | 5.950                               | 14/04/2020                  |
| 5  | Công ty TNHH TMVT Bình Hường      | Vận chuyển Clinker   | 3.150                               | 25/09/2020                  |
| 6  | Công ty TNHH Hòa Đại Phát         | Đá phụ gia đầy       | 3.000                               | Dự kiến 12/2021             |
| 7  | CN CTCP Khoáng sản Quảng Trị      | Đá phụ gia hoạt tính | 1.392                               | Dự kiến 12/2021             |
| 8  | CTCP Xi măng Vicem Hải Vân        | Clinker Cpc 50       | 35.200                              | Dự kiến 12/2021             |
| 9  | Công ty TNHH Thạch cao Miền Trung | Thạch cao            | 2.775                               | Dự kiến 12/2021             |

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

(\*) Giá trị giao dịch tạm tính do Công ty thường thực hiện ký kết các hợp đồng nguyên tắc hàng năm và thực hiện chi tiết tùy theo tình hình thực tế.

(\*\*) Công ty thường thực hiện ký các hợp đồng nguyên tắc mua nguyên vật liệu cho cả năm kinh doanh vào thời điểm cuối năm liền trước (với clinker, thạch cao) và mua tích trữ khối lượng lớn đất sét để ủ làm nguyên vật liệu trong nhiều năm.

#### **Sự ổn định của các nguồn cung cấp:**

Đối tác cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty đều là các đối tác lâu năm và là các đối tác uy tín trên thị trường về chất lượng sản phẩm. Thông thường, hàng năm, Công ty và các đối tác sẽ ký kết các





hợp đồng khung về số lượng và giá trị mua hàng dự kiến nhằm tạo sự chủ động trong phía nhà cung cấp. Bên cạnh đó, với lợi thế hệ thống kho bãi rộng, Công ty thường xuyên mua tích trữ các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định trong điều kiện không thuận lợi như thực hiện giãn cách phòng chống dịch hoặc thời điểm lũ lụt, mưa bão xảy ra.

#### **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu lợi nhuận của Công ty**

Do chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất, sự biến động giá nguyên vật liệu có ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Đối với sản xuất gạch nung, nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là khoáng sản tự nhiên, khai thác trực tiếp tại địa phương, do đó biến động giá qua các năm không lớn. Đối với sản xuất xi măng, giá nguyên vật liệu biến động phụ thuộc vào nguồn clinker của Tổng công ty xi măng Việt Nam, do đó Công ty thực hiện các chính sách điều chỉnh giá bán tương ứng so với thị trường, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### **5.3. Chi phí sản xuất**

**Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2019             |           | Năm 2020             |           | 9 tháng 2021         |           |
|----------------------------------|----------------------|-----------|----------------------|-----------|----------------------|-----------|
|                                  | Giá trị<br>(tr.đồng) | % chi phí | Giá trị<br>(tr.đồng) | % chi phí | Giá trị<br>(tr.đồng) | % chi phí |
| Chi phí nguyên vật liệu          | 52.043               | 53,25%    | 59.453               | 55,35%    | 52.156               | 55,4%     |
| Chi phí nhân công                | 27.818               | 28,46%    | 26.215               | 24,41%    | 26.026               | 27,7%     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.151                | 2,20%     | 1.510                | 1,41%     | 2.904                | 3,1%      |
| Trích lập dự phòng               | 1.250                | 1,28%     | 1.677                | 1,56%     | -                    | -         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 10.592               | 10,84%    | 15.579               | 14,50%    | 10.751               | 11,4%     |
| Chi phí khác bằng tiền           | 3.886                | 3,98%     | 2.975                | 2,77%     | 2.269                | 2,4%      |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC quý III/2021*

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty là chi phí nguyên vật liệu với khoảng hơn 50% tổng chi phí sản xuất kinh doanh, tiếp theo đó là chi phí nhân công chiếm hơn 27% tổng chi phí sản xuất kinh doanh.

**Bảng 11: Tỷ trọng chi phí của Công ty năm 2019 – 2020 và 9 tháng đầu năm 2021**

| S<br>T<br>T | Chỉ tiêu         | Năm 2019             |                      | Năm 2020             |                      | 9 tháng đầu năm 2021 |                      |
|-------------|------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|             |                  | Giá trị<br>(tr.đồng) | Tỷ trọng<br>/DTT (%) | Giá trị<br>(tr.đồng) | Tỷ trọng<br>/DTT (%) | Giá trị<br>(tr.đồng) | Tỷ trọng<br>/DTT (%) |
| 1           | Giá vốn hàng bán | 85.296               | 83,3%                | 95.921               | 81,06%               | 102.638              | 75,88%               |
| 2           | Chi phí bán hàng | 5.198                | 5,08%                | 5.006                | 4,23%                | 4.413                | 3,26%                |





|                  |                   |               |               |                |               |                 |               |
|------------------|-------------------|---------------|---------------|----------------|---------------|-----------------|---------------|
| 3                | Chi phí QLDN      | 6.600         | 6,45%         | 7.380          | 6,24%         | 5.709           | 4,22%         |
| 4                | Chi phí tài chính | 13            | 0,01%         | -              | -             | 167             | 0,12%         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>97.107</b> | <b>94,84%</b> | <b>108.307</b> | <b>91,53%</b> | <b>77.755,9</b> | <b>83,49%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC quý III/2021*

Tỷ lệ chi phí của Công ty qua các năm có sự cải thiện rõ rệt, cụ thể, tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần của Công ty giảm dần từ 94,84% (năm 2019), giảm xuống mức 91,53% (năm 2020) và đạt mức 83,49% (09 tháng đầu năm 2021). Trong đó:

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán hàng năm luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, đạt trung bình khoảng 80% doanh thu thuần, cụ thể năm 2019 giá vốn hàng bán là 83,3% trên doanh thu thuần, năm 2020 là 81,06% trên doanh thu thuần và 9 tháng đầu năm 2021 đạt 75,88% doanh thu thuần. Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm dần qua các năm một phần do Công ty thực hiện đẩy mạnh hoạt động kiểm soát, quản trị sản xuất đồng thời do chính sách điều chỉnh giá bán gạch tuynel tăng trong năm 2021.

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là để các khoản lãi vay tài chính phục vụ nhu cầu bổ sung vốn lưu động trong sản xuất. Công ty có lịch sử tín dụng tốt, các khoản vay ngắn hạn và thanh toán đúng hạn. Chi phí tài chính năm 2019 là 13 triệu đồng, năm 2020 là 0 đồng và 9 tháng đầu năm 2021 là 167 triệu đồng. Chi phí tài chính 09 tháng đầu năm 2021 tăng so với năm 2019 và năm 2020, do Công ty thực hiện đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khiến cho nhu cầu sử dụng vốn tăng cao.

Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu, chi dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác. Tỷ trọng chi phí bán hàng trên tổng doanh thu thuần qua các năm có xu hướng giảm, cụ thể năm 2019, tổng chi phí bán hàng là 5,19 tỷ đồng, chiếm 5,08% doanh thu thuần, năm 2020 là 5,0 tỷ đồng tương ứng 4,23% doanh thu thuần, và 9 tháng đầu năm 2021 là 4,4 tỷ đồng, bằng 3,26% doanh thu thuần. Tương tự, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần qua các năm cũng có xu hướng giảm tương ứng, cụ thể năm 2019, chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty là 6,6 tỷ đồng, chiếm 6,45% doanh thu thuần, năm 2020 là 7,38 tỷ đồng chiếm 6,24% doanh thu thuần và 09 tháng đầu năm 2021 là 5,7 tỷ đồng chiếm 4,2% doanh thu thuần của Công ty. Tỷ trọng Chi phí bán hàng, chi phí quản lý trên doanh thu giảm dần qua các năm phản ánh hiệu quả kiểm soát chi phí của doanh nghiệp ngày càng được nâng cao. Công ty nâng cao vị thế thương hiệu uy tín với các đối tác và khách hàng.

#### **5.4. Trình độ công nghệ**

##### **Trình độ công nghệ trong sản xuất gạch**

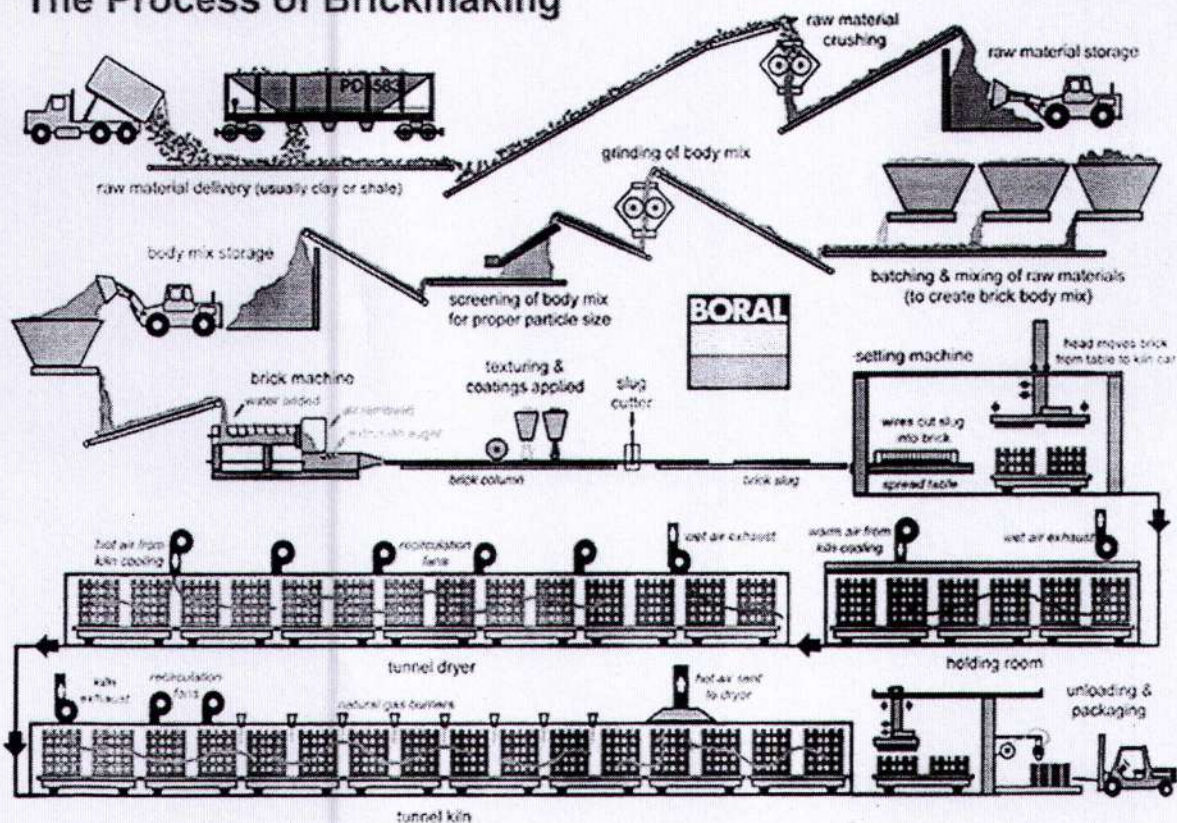
Các nhà máy gạch tuynel của Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị sử dụng công nghệ lò nung sấy kết hợp trên cơ sở lò đường hầm. Lò nung được xây dựng dạng ống trụ hình chữ nhật có chiều dài hơn 50m đặt nằm, cố định các buồng nung, sấy, gạch mộc được sắp xếp bên ngoài và đi



chuyển qua các buồng đốt thông qua xe goong. Hệ thống có khả năng tự động hóa cao, chất lượng gạch ổn định và xử lý được khí thải ra môi trường. Nhằm duy trì hoạt động sản xuất máy móc, hàng năm, Công ty đều thực hiện hoạt động sửa chữa, kiểm tra tình hình hoạt động. Bên cạnh đó, việc xây dựng phòng kỹ thuật có thể sửa chữa thay thế trực tiếp các linh kiện trong máy móc khiến cho Công ty tự chủ được hoạt động sửa chữa, thay thế tài sản cố định. Công ty thực hiện nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Cụ thể, phương pháp lò nung tuynel do Công ty áp dụng đạt giải pháp hữu ích của tỉnh Quảng Trị chứng nhận.

### Quy trình sản xuất gạch nung

#### The Process of Brickmaking



Nguồn: Boral

### Trình độ công nghệ trong sản xuất gạch không nung

Dây chuyền sản xuất gạch không nung (ZS-QT6-15) công suất 10 triệu viên/năm do Công ty zhangsheng – Thượng Hải sản xuất. Dây chuyền được Dây chuyền sản xuất gạch terrazzo (kích thước 400x400 và 300x300) 4 máy, làm 01 ca, công suất 184.320m<sup>2</sup>/năm. Dây chuyền sản xuất tạo sản phẩm có kích thước tương đối giống với gạch nung, thuận tiện cho người sử dụng vốn quen thao tác với gạch nung truyền thống.

### Trình độ công nghệ trong sản xuất xi măng

Dây chuyền sản xuất xi măng: gồm 02 dây chuyền nghiền xi măng có công suất 1 năm là 160.000 tấn/năm, sử dụng máy nghiền bi, cấp liệu qua hệ thống cân bằng định lượng điện tử tự





động theo công nghệ Châu Âu, có phần mềm điều khiển, giám sát thực hiện các thuật toán đảm bảo độ chính xác sản lượng vật liệu theo sai số nhỏ hơn 1%. Sản phẩm đầu ra là xi măng đóng bao hoặc xi măng rời cấp cho các xe bồn đạt chất lượng ổn định.

### 5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm vật liệu xây dựng cung cấp ra thị trường và tận dụng các nguồn nguyên liệu tự nhiên, Công ty đang thực hiện nghiên cứu đầu tư dự án nhà máy sản xuất các sản phẩm mới. Cụ thể:

#### + Sản phẩm vôi công nghiệp:

Vôi công nghiệp là sản phẩm thiết yếu trong ngành xây dựng nói chung, được sản xuất từ đá vôi ( $\text{CaCO}_3$ ) thông qua các công đoạn xử lý như nghiền, sàng, nung,.... Vôi công nghiệp có nhiều ứng dụng trong nhiều ngành sản xuất khác nhau như làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất xi măng, sản xuất gạch vôi trong ngành công nghiệp xây dựng, trong xử lý nước thải công nghiệp, làm chất tẩy trong ngành sản xuất giấy, sử dụng trong ngành công nghiệp sản xuất thép,... Có thể nói, vôi công nghiệp là nền tảng phát triển các ngành công nghiệp khác. Hiện nay, Công ty đã và đang đầu tư nhà máy sản xuất vôi công nghiệp.

#### + Sản phẩm đá xây dựng và đá làm đường giao thông

Tận dụng nguồn nguyên liệu tự nhiên sẵn có trong quá trình khai thác đá vôi, theo dự kiến, có khoảng 2.500.000 m<sup>3</sup> đá xây dựng và đá dưới sàng 4 cm có thể tận dụng và khai thác.

#### + Sản phẩm vữa thô xây tô đóng bao

Sản phẩm là loại vữa mác 75 được sản xuất từ hỗn hợp xi măng, cát, phụ gia được trộn theo tỷ lệ thích hợp nhằm phục vụ nhu cầu của thị trường về các đặc điểm của vật liệu xây dựng.

#### + Sản phẩm bê tông tươi, bê tông thương phẩm và bê tông cấu kiện đúc sẵn

Tận dụng lợi thế là doanh nghiệp sản xuất xi măng, Công ty đang trong quá trình nghiên cứu tạo ra các sản phẩm bê tông có thể dụng sẵn phục vụ cung cấp cho các dự án, công trình và các đơn vị xây lắp.

### 5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện nay, các sản phẩm của Công ty đều sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng đã được Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chứng nhận là phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO: 9001:2015/ISO 9001:2015 đối với phạm vi sản xuất và cung ứng sản phẩm xi măng, gạch đất sét nung và gạch bê tông. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện nghiên cứu các tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế để nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa.

Sản phẩm xi măng Pooclang hỗn hợp mang thương hiệu Trường Sơn với hệ thống cân bằng định lượng tiêu chuẩn Châu Âu, phòng công nghệ được trang thiết bị kiểm soát chất lượng, kiểm tra độ nén, uốn, kéo của vật liệu và phương pháp thử mới theo tiêu chuẩn quốc tế; hệ thống vi tính kiểm





tra chất lượng sản phẩm, các khâu sản xuất đều được lấy mẫu kiểm tra nghiêm ngặt tại phòng thí nghiệm về chất lượng.

### 5.7. Hoạt động Marketing

Đánh giá được mức độ cạnh tranh trong thị trường vật liệu xây dựng, đồng thời là sự chuyên biệt trong phạm vi địa lý kinh doanh, Công ty đã xây dựng cho mình một chiến lược marketing xuyên suốt và không ngừng thay đổi phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Vật liệu xây dựng được xếp vào hàng hóa thiết yếu do nhu cầu xây dựng mới và chỉnh sửa luôn được duy trì tăng trưởng theo nền kinh tế, các sản phẩm tuân thủ tiêu chuẩn theo quy định Quốc tế.

Công ty xác định rõ khách hàng mục tiêu là các đơn vị trong tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận miền Trung như Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng..., đồng thời xuất khẩu sang Lào thông qua cửa khẩu Lao Bảo. Do đó, phân khúc sản phẩm mà Công ty tập trung xây dựng là thương hiệu vật liệu xây dựng tầm trung, vừa đảm bảo chất lượng thi công, vừa đảm bảo giá thành hấp dẫn, đáp ứng được nhu cầu của đa số khách hàng.

Đặc thù ngành vật liệu đó không có sự khác biệt quá nhiều về bao bì và chất lượng sản phẩm, do đó Công ty luôn tập trung xây dựng uy tín chất lượng trong nhiều năm, duy trì mối quan hệ với các khách hàng lớn đồng thời thực hiện chiến lược về giá và mạng lưới phân phối sản phẩm.

### 5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.

#### Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ và đang chờ cấp phép.



Ý nghĩa : Logo gồm tên viết tắt của Công ty với hai gam màu chủ đạo là xanh biển và trắng, thể hiện triết lý kinh doanh và hoạt động doanh nghiệp đề cao sự minh bạch, quyết tâm hành động và kỳ vọng về tương lai.

#### Nhãn hiệu xi măng Pooc lăng hỗn hợp:



Nhãn hiệu xi măng pooclang hỗn hợp được cấp văn bằng bảo hộ bởi Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 18/12/2017.

Nhãn hiệu bao gồm tên “Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị”, tên sản phẩm “Xi măng Pooc lăng Hỗn hợp” và hình ảnh đại diện nhà máy. Nhãn hiệu được bảo hộ và đại diện cho 02 nhóm sản phẩm chính xi măng, vôi, thạch cao, cát, trừ loại dùng cho lò đúc, sỏi và dịch vụ bán buôn/bán lẻ các sản phẩm xi măng, vôi, thạch cao,...

### 5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết





**Bảng 12: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

| TT | Khách hàng                            | Sản phẩm                     | Ngày ký hợp đồng | Giá trị sau thuế (tr.đồng) | Thời gian thực hiện |
|----|---------------------------------------|------------------------------|------------------|----------------------------|---------------------|
| 1  | CTCP Xi măng Sông Gianh               | Sản xuất và đóng bao Xi măng | 01/01/2020       | 14.300                     | Ký hàng năm         |
| 2  | Công ty TNHH TM DV Hoàng Hương        | Xi măng rời PCB 30           | 01/01/2020       | 28.640                     | Ký hàng năm         |
| 3  | Công ty TNHH TM Số 1                  | Xi măng rời PCB 30           | 01/01/2020       | 16.100                     | Ký hàng năm         |
| 5  | Tổng công ty XD 319                   | Gạch không nung              | 10/01/2020       | 600                        | Ký từng công trình  |
| 6  | CTCP HTKP                             | Gạch Tuynel                  | 05/09/2019       | 700                        | Đang thực hiện      |
| 7  | CTCP Thành An 96                      | Gạch Tuynel                  | 20/04/2020       | 900                        | Đang thực hiện      |
| 8  | CTCP Hạnh Nguyên                      | Xi măng                      | 25/09/2020       | 600                        | Đang thực hiện      |
| 9  | Công ty TNHH MTV Thuận Tín            | Xi măng                      | 30/06/2020       | 450                        | Đang thực hiện      |
| 10 | Công ty CP XD 68 Hà Tĩnh              | Gạch KN                      | 08/06/2020       | 350                        | Đang thực hiện      |
| 11 | Công ty TNHH MTV Tâm Phát             | Xi măng – gạch các loại      | 25/02/2020       | 780                        | Đang thực hiện      |
| 12 | Công ty TNHH MTV Hào Quang            | Xi măng – gạch các loại      | 02/01/2020       | 680                        | Đang thực hiện      |
| 13 | CTCP Xi măng Sông Gianh               | Sản xuất và đóng bao Xi măng | 12/2021          | 20.000                     | Đang thực hiện      |
| 14 | Công ty TNHH TM DV Hoàng Hương        | Xi măng rời PCB 30           | 12/2021          | 34.880                     | Đang thực hiện      |
| 15 | Công ty TNHH TM Số 1 – NM Tấm lợp Tán | Xi măng rời PCB 30           | 12/2021          | 25.190                     | Đang thực hiện      |





|  |                  |  |  |                |  |
|--|------------------|--|--|----------------|--|
|  | Phát Tâm Châu    |  |  |                |  |
|  | <b>Tổng cộng</b> |  |  | <b>144.170</b> |  |

*Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị*

(\*): Danh sách hợp đồng với khách hàng lớn được ký dưới dạng Hợp đồng nguyên tắc và được ký lại hàng năm.

Ngoài các hợp đồng với khách hàng là doanh nghiệp, Công ty thực hiện bán lẻ vật liệu xây dựng trực tiếp đến tay người tiêu dùng. Với ưu thế về thương hiệu, mạng lưới hơn 200 cửa hàng đại lý phân phối cùng vị trí các nhà máy trải rộng tại các địa phương, Công ty hiện đang là đơn vị cung cấp vật liệu xây dựng hàng đầu tỉnh Quảng Trị và các vùng lân cận. Năm 2021, doanh thu đến từ bán hàng cho khách lẻ tăng mạnh do nhu cầu sửa chữa nhà ở, công trình dân dụng tăng cao. Các hợp đồng nguyên tắc thường ký trước năm hoạt động nhằm giúp Công ty chủ động nhu cầu sản xuất.

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

**Bảng 13: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh (Đvt: đồng)**

| Chỉ tiêu                                               | Năm 2019        | Năm 2020        | % tăng trưởng | Lũy kế đến quý III/2021 |
|--------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|-------------------------|
| Tổng giá trị tài sản                                   | 94.748.787.200  | 180.301.073.040 | 90,29%        | 199.336.722.282         |
| Vốn chủ sở hữu                                         | 83.730.768.580  | 169.636.725.348 | 103,69%       | 181.098.523.978         |
| Doanh thu thuần                                        | 102.323.887.320 | 118.336.839.117 | 15,65%        | 135.257.479.534         |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                | 5.218.108.347   | 10.221.272.817  | 95,88%        | 23.994.750.318          |
| Lợi nhuận khác                                         | (280.501.999)   | (224.819.449)   | (19,85%)      | 31.470.803              |
| Lợi nhuận trước thuế                                   | 4.937.606.348   | 9.996.453.368   | 102,46%       | 24.026.221.121          |
| Lợi nhuận sau thuế                                     | 3.852.163.891   | 8.553.124.848   | 122,03%       | 19.211.798.631          |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                             | -               | 10%             | -             | -                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân | 4,73%           | 6,76%           | 42,94%        | 11,0%                   |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC quý III/2021*





Trong các năm qua, quy mô tài sản, vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều có sự tăng trưởng mạnh cả về chỉ tiêu doanh thu cũng như lợi nhuận sau thuế, cụ thể: Doanh thu năm 2020 tăng hơn 16 tỷ đồng tương ứng tăng 15,65% so với năm 2019 đạt 118,3 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt tăng 4,7 tỷ đồng tương ứng tăng 122,03% so với năm 2019 là do Công ty đã thực hiện tái cơ cấu, công ty đã có những cải tiến đáng kể trong việc nâng cao năng suất lao động như: sắp xếp lại dây chuyền sản xuất cho khoa học, hợp lý, kịp thời sửa chữa cải tiến máy móc thiết bị đang có, quan tâm tạo điều kiện cho công nhân sản xuất phát huy năng lực bản thân...nhờ những việc cải tiến trong dây chuyền dẫn tới năng suất sản xuất tăng góp phần giảm chi phí sản xuất trong giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Công ty thực hiện chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành thêm cổ phiếu khiến cho vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của Công ty đồng loạt tăng 103,69% và 90,29% so với năm 2019.

Tháng 3 năm 2021, Công ty thực hiện hoàn tất việc mua lại nhà máy gạch tuynel Minh Hưng với công suất 20 triệu viên/năm đã đóng góp hơn 17 tỷ doanh thu, hơn 2 tỷ lợi nhuận trong 9 tháng và nâng công suất sản xuất gạch tuynel của cả Công ty lên hơn 70 triệu viên/năm. Lũy kế 9 tháng năm 2021, với việc thực hiện điều chỉnh giá gạch tuynel tăng, kết quả mở rộng nhà máy cùng sự nỗ lực sản xuất kinh doanh của đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty, doanh thu Công ty đạt 135,2 tỷ đồng tương đương 80% kế hoạch doanh thu năm 2021 của Công ty bằng 114% doanh thu cả năm 2020, lợi nhuận sau thuế đạt 19,2 tỷ đồng vượt 14% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2021, bằng 226% lợi nhuận năm 2020.

## 6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

### Thuận lợi

Công ty Cổ phần Minh Hưng là doanh nghiệp lâu năm, tiền thân là danh nghiệp nhà nước, sau cổ phần hóa đến nay thương hiệu Minh Hưng đã có chỗ đứng nhất định tại tỉnh Quảng Trị.

Không chỉ có ưu thế là doanh nghiệp lâu năm trên thị trường, các nhà máy trải dài trên địa bàn tỉnh giúp Công ty dễ dàng tiếp cận khách hàng, tiết kiệm chi phí vận chuyển do các công trình thường ưu tiên dùng sản phẩm gần để giảm chi phí, đảm bảo nguồn cung liên tục.

Những năm gần đây, khu vực miền Trung như Đà Nẵng, Huế,... thu hút hàng loạt dự án lớn đầu tư vào nhiều lĩnh vực: du lịch, giải trí, nghỉ dưỡng,... từ đó phát sinh nhu cầu lớn về nguồn vật liệu xây dựng.

Dây chuyền sản xuất với máy móc hiện đại, phòng công nghệ được trang thiết bị kiểm soát chất lượng, kiểm tra độ nén, uốn, kéo vật liệu và phương pháp thử mới theo tiêu chuẩn quốc tế, các khâu sản xuất đều được lấy mẫu kiểm tra nghiêm ngặt.

### Chính sách đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công

Các chuyên gia cho rằng, việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công sẽ mang đến nhiều tác động tích cực đối với ngành vật liệu xây dựng (VLXD), trong bối cảnh các ngành nghề đang gặp nhiều khó khăn từ dịch Covid-19. Các hoạt động xây dựng từ vốn đầu tư công được đẩy mạnh tạo cầu cao cho





nguyên vật liệu. Các nghiên cứu cho thấy nhu cầu xi măng sẽ hồi phục 3 - 5% do được thúc đẩy bởi đầu tư công. Đây là tin rất vui đối cộng đồng các doanh nghiệp trong ngành

### **Thị trường bất động sản và phát triển cơ sở hạ tầng**

Các chuyên gia đánh giá, thị trường BĐS sẽ có bước khởi sắc trong năm 2021 cùng với chủ trương xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật thì ngành VLXD sẽ có cơ hội phát triển mạnh mẽ. Ngành VLXD và bất động sản luôn có quan hệ mật thiết với nhau do đầu ra của VLXD chính là để phục vụ cho xây dựng nhà ở, văn phòng,.... Các doanh nghiệp trong ngành không ngừng ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất lẫn hệ thống vận chuyển nhằm giảm thiểu chi phí và thời gian cung ứng cho nhà cung cấp, gia tăng tên tuổi doanh nghiệp cũng như tối ưu hóa lợi nhuận.

### **Giá vật liệu xây dựng tăng mạnh do chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh**

Tình hình dịch bệnh kéo dài cùng các chính sách giãn cách, hạn chế lưu thông để kiểm soát dịch tại các nước đã tác động trực tiếp đến nguồn cung vật liệu xây dựng tại các khu vực, trong đó có Việt Nam. Chi phí vận chuyển tăng mạnh kéo theo giá hàng hóa tăng theo. Tại Quảng Trị nói riêng và khu vực miền Trung Việt Nam nói chung, vừa bị tác động bởi giai đoạn 2 đợt dịch covid tại Việt Nam (25/07/2020 -27/01/2021) bùng phát tại Đà Nẵng, vừa chịu thiệt hại lớn do thiên tai lũ lụt (Tháng 10/2020) khiến cho nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng dân dụng tại đây tăng cao, hàng hóa trở nên khan hiếm do sản lượng cung cấp thấp.

### **Khó khăn**

Từ đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 cùng tình hình bão lũ gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc thực hiện giãn cách theo chỉ thị 16 của Chính phủ và việc thắt chặt đường lưu thông hàng hóa ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phân phối sản phẩm của Công ty.

Thị trường chủ yếu tập trung tại tỉnh Quảng Trị và một số khu vực lân cận làm giảm khả năng tiếp cận các thị trường mới, khó cạnh tranh với các doanh nghiệp địa phương trên địa bàn các tỉnh lân cận.

Tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành vật liệu xây dựng, đặc biệt là từ các công ty có nguồn lực tài chính mạnh. Sự cạnh tranh làm cho các loại chi phí tăng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cùng ngành đang ứng dụng hiệu quả tiến bộ khoa học của công nghệ để tạo ra các sản phẩm tiện ích hơn và thân thiện hơn với môi trường.

### **Hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng do COVID-19**

Trong năm 2020, dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới do các chính sách hạn chế đi lại, giãn cách xã hội. Hiện nay tình hình dịch bệnh tuy đã được kiểm soát tốt nhưng chúng ta vẫn không được phép chủ quan trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh.

### **Chính sách bảo vệ môi trường**

Những chính sách mới của thế giới và Việt Nam trong vấn đề xử lý khí thải công nghiệp do lo ngại ảnh hưởng về các vấn đề dẫn tới biến đổi khí hậu, ảnh hưởng xấu tới môi trường trong quá trình sản

0982  
TY  
AN  
NG  
TR  
TR





xuất. Bên cạnh đó, đầu vào của ngành VLXD đa phần là từ những nguyên liệu hóa thạch đang ngày một khan hiếm. Vì vậy, việc tìm sản phẩm thay thế trong tương lai gần là không tránh khỏi. Nhằm bắt được điều đó, công ty không ngừng nỗ lực cải thiện nhà máy, nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng không quên giảm thiểu lượng khí thải công nghiệp, đầu tư cho nghiên cứu những sản phẩm tối ưu mới, phù hợp với xu thế sản phẩm xanh.

### **Công nghệ mới**

Đây là những sản phẩm đột phá, có tiềm năng thay đổi chuỗi giá trị của ngành xây dựng. Tuy ở thời điểm hiện tại chưa có tác động đáng kể, rủi ro này đang tăng theo tốc độ phát triển của công nghệ sản xuất mới. Ví dụ có thể kể đến như In 3D trong xây dựng (3D Construction Printing) – đây là nhóm công nghệ sử dụng máy móc cỡ lớn để in 3D ra các công trình hoặc thành phần của công trình. Tới nay, các công nghệ này đã có những thành quả ban đầu ấn tượng với tiềm năng giúp đỡ nhà thầu giảm thời gian thi công, chi phí xây dựng.

## **7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **7.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Đặc thù sản phẩm kinh doanh thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng cơ bản chi phí nguyên vật liệu đầu vào (đất sét, than đá,...) chiếm tỷ trọng cao, công kênh và khối lượng lớn, các Công ty sản xuất vật liệu xây dựng đều có điểm chung là xây dựng nhà máy tại gần vùng nguyên liệu và khu vực phân phối giảm thiểu chi phí vận chuyển. Thị trường tiêu thụ thường có độ tập trung thấp và mức độ cạnh tranh cao. Nguyên nhân chính hình thành sự cạnh tranh cao là do (1) Sản phẩm có chất lượng tương đương nhau, do đó, chính sách chiết khấu giá bán tạo động lực cạnh tranh giữa các thương hiệu. (2) Quý mô thương hiệu ảnh hưởng đến mức độ nhận diện sản phẩm và tiêu thụ trên thị trường (3) Chi phí vận chuyển đến thị trường tiêu thụ phản ánh phạm vi phân phối.

Với đội ngũ nhân sự am hiểu về tập quán vùng miền, kế thừa kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng kết hợp tinh thần không ngừng học hỏi, đổi mới cải tiến chất lượng theo tiêu chuẩn trên thế giới, Minh Hưng Quảng Trị giờ đã xây dựng được vị thế chắc chắn trên phạm vi hoạt động của doanh nghiệp.

Có lợi thế về tài nguyên đất, nguồn lực tài chính, thay vì chỉ thực hiện đầu tư sản xuất vào một lĩnh vực xi măng hoặc gạch, Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị cung cấp đa dạng các sản phẩm, tận dụng diện tích nhà máy và tài sản cố định quản lý, đồng thời đầu tư nhiều nhà máy tại các địa phương, đáp ứng được nhu cầu lớn của khách hàng và tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Thị phần của Công ty đối với từng loại sản phẩm cụ thể như sau:

- Xi măng: Hiện tại ở địa bàn Quảng Trị có hai đơn vị sản xuất xi măng là Xi măng Trường Sơn của Công ty và Trạm Nghiền xi măng Bim Sơn với thị phần xi măng bao khoảng 8%, riêng xi măng rời công ty cung cấp 100% cho hai nhà máy tấm lợp Fibrô xi măng trên địa bàn.
- Gạch tuynel: sản phẩm Gạch Tuynel của Công ty chiếm 45% thị phần cung cấp tại địa bàn tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận.





- Gạch không nung và Gạch Terrazzo: Dù mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh hơn ba năm, nhưng sản phẩm Gạch không nung và Gạch terrazzo đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, được nhiều đơn vị ưa chuộng và tin tưởng. Hiện nay thị phần Gạch không nung, gạch Terrazzo chiếm khoảng 35% trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Ngoài việc duy trì củng cố thị trường trong tỉnh Quảng Trị, Công ty đặc biệt chú trọng mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận như Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và sang một số tỉnh bạn Lào qua Cửa Khẩu Lao Bảo.

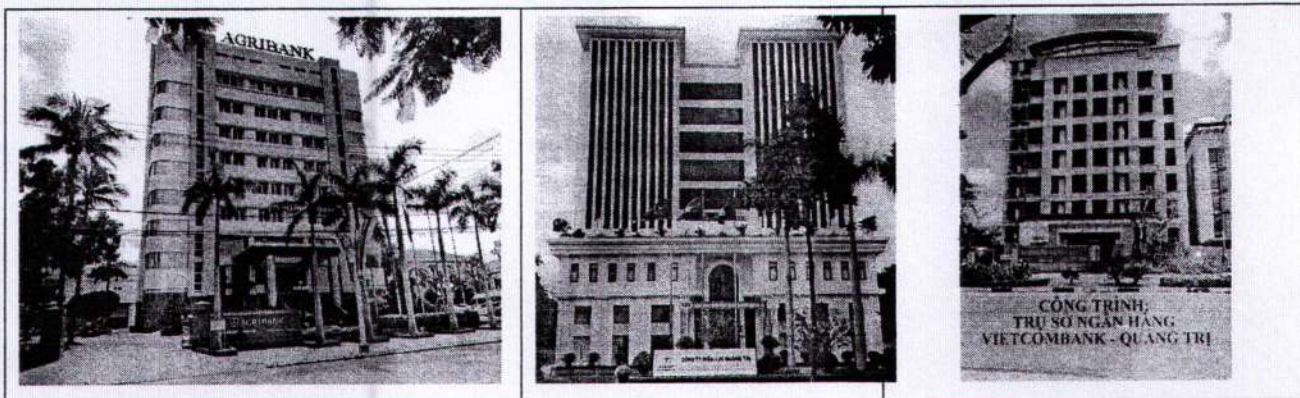
Sản phẩm của Công ty được sử dụng rộng rãi trong xây dựng các Công trình lớn của tỉnh và thành phố như: Văn phòng làm việc UBND tỉnh Quảng Trị, Ngân hàng phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị, các khách sạn, trường học,.... Gạch không nung được sử dụng để xây dựng các công trình lớn của tỉnh như: Văn phòng Điều hành Điện lực Quảng Trị, Văn phòng Bảo hiểm Xã hội tỉnh... Gạch terrazzo được dùng các công trình như: Đường Bà Triệu, đường Hoàng Diệu ở Thành Phố Đông Hà.

So sánh với một số doanh nghiệp cùng ngành đang giao dịch trên sàn chứng khoán, Minh Hưng Quảng Trị thể hiện là một doanh nghiệp có nhiều tiềm năng phát triển, năng lực tài chính mạnh mẽ.

Một số công trình sử dụng sản phẩm của Công ty







Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị

## 7.2 Triển vọng phát triển của ngành vật liệu xây dựng

### Triển vọng phát triển của ngành vật liệu xây dựng tại Việt Nam

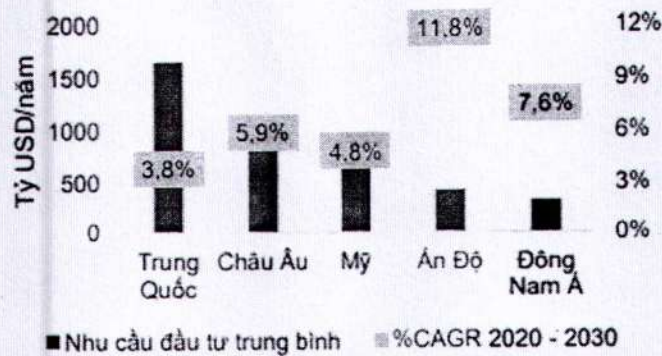
Theo nghiên cứu từ tổ chức BMI, ngành xây dựng Việt Nam được dự phóng có tốc độ tăng trưởng khoảng 6,7%/năm trong vòng 10 năm tới, là mức khá cao so với trung bình các khu vực trên thế giới do thuận lợi về dân số và kinh tế, giúp cho ngành vật liệu xây dựng duy trì được mức tăng trưởng ổn định. Theo Viện vật liệu xây dựng, ngành vật liệu xây dựng Việt Nam được nhận định có nhiều cơ hội bứt phá và tiềm năng tăng trưởng thuộc top đầu thế giới. Năm 2020, tổng giá trị vật liệu tiêu thụ ước tính trên 22 tỷ USD, tương đương mức đóng góp khoảng 6,5%- 7% quy mô nền kinh tế Việt Nam. 9 tháng đầu năm 2021, sản lượng tiêu thụ gạch nung đạt 12,3 tỷ viên; gạch không nung đạt 2,4 tỷ viên, xi măng đạt 62,12 triệu tấn. Đến năm 2030, dự báo sản lượng một số loại VLXD chủ yếu cụ thể: xi măng (125- 145 triệu tấn), gạch nung (22 – 25 tỷ viên), vật liệu xây dựng không nung tăng lên 16 – 20 tỷ viên, bê tông đạt 250 – 270 triệu m<sup>3</sup> các loại (theo Viện vật liệu xây dựng)

### Ngành xi măng

Ngành xi măng thế giới đang tiến đến giai đoạn bão hòa về nhu cầu tiêu thụ do các hoạt động xây dựng nhà ở suy giảm trên diện rộng tương thích với tác động già hóa dân số và nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng phân hóa giữa các khu vực. Theo báo cáo tổng cục thống kê Trung Quốc, mỗi năm mức tăng trưởng dân số thế giới giảm đi khoảng 0,02%, trong đó Trung Quốc là quốc gia có cơ cấu dân số già đi nhanh nhất trong khu vực và nhu cầu nhà ở sụt giảm 1,3%/năm trong giai đoạn 2010 – 2019. Trong khi đó, tốc độ chi tiêu vào xây dựng cơ sở hạ tầng của các quốc gia sẽ có sự phân hóa rõ rệt cụ thể như Trung Quốc, Mỹ và châu Âu sẽ giảm dần mức đầu tư do hiệu quả kinh tế của các dự án hạ tầng không còn đáng kể trong khi tại khu vực Ấn Độ và Đông Nam Á, dự kiến sẽ trở thành các thị trường bùng nổ nhằm bắt kịp tốc độ phát triển công nghiệp và nâng cấp để đón làn sóng dịch chuyển nhà máy, khu công nghiệp từ Trung Quốc sau tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Năm 2019, toàn ngành xi măng Việt Nam có sản lượng sản xuất đứng thứ 3 thế giới và sản lượng tiêu thụ đứng thứ 4 thế giới. Do đó, ngành xi măng Việt Nam được coi là có quy mô và sức ảnh hưởng đáng kể tới các thị trường xi măng trong khu vực.



Hình: Dự báo nhu cầu đầu tư hạ tầng tại các khu vực



Nguồn: Báo cáo ngành xi măng 2020 – FPTIS

Ngành xi măng Việt Nam được dự báo có tốc độ tăng trưởng về tiêu thụ và sản xuất đạt 2,4%/năm và 2,8%/năm với công suất huy động toàn ngành duy trì trên 90%. Bên cạnh đó, việc Chính Phủ ngày càng siết chặt các điều kiện pháp lý trong quá trình cấp phép đầu tư đối với các dự án xi măng mới (quy mô sản xuất, công nghệ,...) đã nâng cao rào cản gia nhập ngành giúp giảm bớt áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

#### Ngành gạch xây dựng

Theo thông tin Bộ Xây dựng, tính đến năm 2020, gạch đất sét nung được sử dụng trong xây dựng chiếm khoảng 60% và được định hướng hạn chế nâng công suất các nhà máy đang hoạt động mở rộng đồng thời giảm thiểu các nhà máy mới đầu tư trong lĩnh vực này. Với đặc tính bền, chắc chắn, chịu được áp lực cao, gạch nung vẫn là sản phẩm vật liệu xây dựng phổ biến và được sử dụng nhiều nhất trong xây dựng nhà ở dân dụng và một phần trong các công trình công cộng mà chưa có vật liệu xây dựng thay thế hoàn toàn.

#### Triển vọng phát triển vật liệu xây dựng tại Quảng Trị và các tỉnh lân cận

Quảng Trị có vị trí đặc thù nằm trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, có nhiều tuyến giao thông huyết mạch đi qua, có nhiều di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia và nhiều dự án đầu tư về lĩnh vực khai thác điện gió, bất động sản, cảng biển,... Do đó, hàng loạt dự án đầu tư công, xây dựng hạ tầng như đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; dự án nâng cấp Quốc lộ 9 đoạn từ Cảng Cửa Việt đến Quốc lộ 1; dự án xây dựng, nâng cấp Quốc lộ 15D đoạn từ đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến Cửa khẩu quốc tế La Lay; dự án Cung đường thống nhất tại Di tích đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải; đầu tư nâng cấp Ga Đông Hà; đầu tư kéo dài đê chắn cát Cửa Việt... được Bộ GTVT hướng dẫn, thúc đẩy UBND tỉnh nhanh chóng thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2025.

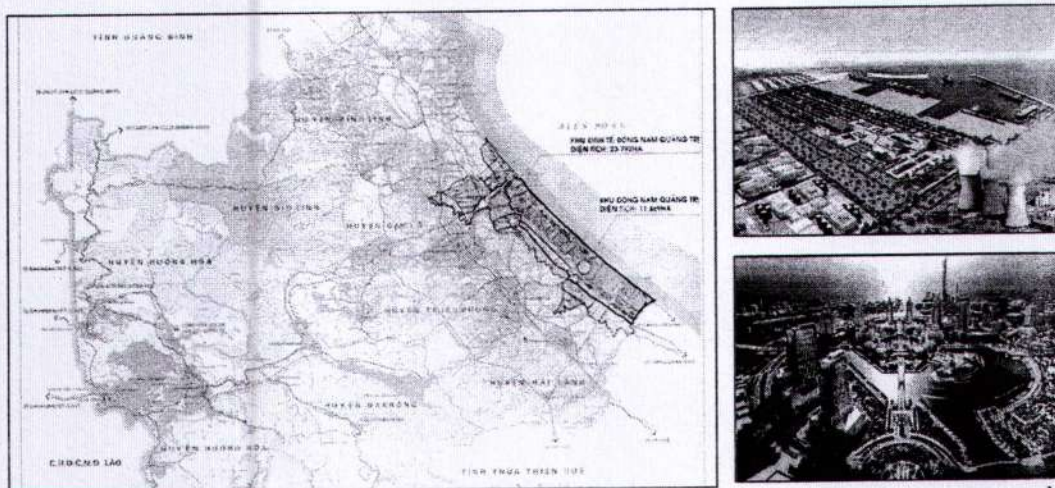
Một số dự án lớn góp phần thúc đẩy nhu cầu vật liệu xây dựng tăng cao trong các năm tới có thể kể đến như:

- Các dự án đường cao tốc tại Quảng Trị (Cam Lộ - La Sơn, Cam Lộ - Lao Bảo, Vạn Ninh - Cam Lộ) đang trong quá trình thực hiện triển khai với tổng mức đầu tư đạt 25.000 tỷ đồng với nhu cầu lớn về xi măng, đá xây dựng, gạch nung và gạch không nung.



- Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị với diện tích 24.000 ha với Cảng Mỹ Thủy – cảng nước sâu có tiềm năng khai thác logistics đường biển quốc tế, trữ lượng 15 – 20 tỷ m<sup>3</sup> khí phù hợp phát triển nhiệt điện, trữ lượng lớn cát trắng và tiềm năng phát triển du lịch biển.

**Hình 5: Quy hoạch khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị**



Nguồn: Internet

Bên cạnh đó, khu vực miền Trung còn là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt là bão lụt. Trong quý III và quý IV năm 2020, ghi nhận tình hình lũ lụt nghiêm trọng và phức tạp trên khu vực, ước tính có khoảng gần 200.000 ngôi nhà bị hư hỏng, nhiều công trình giao thông, cầu đường, ghè, đê bị phá hủy. Tình hình bão kéo dài khiến cho nhu cầu xây dựng hạ tầng, xây dựng dân dụng tăng mạnh từ năm 2021, đồng thời cũng phản ánh nhu cầu vật liệu xây dựng tại miền Trung cao hơn các khu vực khác trên cả nước.

Phát triển vật liệu xây dựng không nung là một trong những nội dung được Chính phủ chú trọng nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi đến tình hình biến đổi khí hậu và tận dụng các chất thải công nghiệp; cụ thể Thông tư 13/2017/TT-BXD của Bộ xây dựng về quy định sử dụng vật liệu xây dựng không nung trong các công trình xây dựng yêu cầu mức tối thiểu tỷ lệ vật liệu không nung trong các công trình xây dựng.

### **7.3 So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.**

Một số doanh nghiệp đang hoạt động trong cùng lĩnh vực có quy mô tương đồng với Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị hiện đang niêm yết/dăng ký giao dịch hiện nay có thể kể đến :

- GND (CTCP Gạch ngói Đồng Nai): đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong sản xuất gạch tuynel và các loại gạch xây dựng khác.
- LBM (CTCP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng): đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh cao lanh, bentonite, gạch & đá xây dựng và sứ chịu nhiệt.
- CRC (CTCP Create Capital Việt Nam): là công ty đa ngành với xuất phát điểm là sản xuất gạch tuynel.





- GKM (CTCP Khang Minh Group): là đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh gạch không nung.
- TTC (CTCP Gạch men Thanh Thanh): là đơn vị chuyên sản xuất và kinh doanh các loại gạch men, gạch sứ và gạch granite.

**Bảng 14: So sánh với các Công ty cùng ngành năm 2020**

| Mã CK | Tên Công ty                            | VDL<br>(tỷ<br>đồng) | VCSH<br>(Tỷ<br>đồng) | TTS<br>(Tỷ<br>đồng) | Doanh<br>thu<br>2020<br>(Tỷ<br>đồng) | Lợi<br>nhuận<br>2020<br>(Tỷ<br>đồng) | LNST<br>/DTT<br>(%) | Tổng<br>nợ/TT<br>S (%) | ROE<br>(%) | ROA<br>(%) |
|-------|----------------------------------------|---------------------|----------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|------------------------|------------|------------|
| GND   | CTCP Gạch<br>ngói Đồng Nai             | 120                 | 301,1                | 398,6               | 369                                  | 54                                   | 15,03               | 24,47                  | 19,16      | 14,14      |
| LBM   | CTCP Khoáng<br>sản và VLXD<br>Lâm Đồng | 100                 | 416,3                | 517,8               | 604                                  | 64                                   | 13,21               | 19,6                   | 7,8        | 6,5        |
| CRC   | CTCP Create<br>Capital Việt<br>Nam     | 150                 | 183,1                | 565,3               | 580                                  | 4,8                                  | 2,56                | 67,61                  | 1,14       | 0,35       |
| GKM   | CTCP Khang<br>Minh Group               | 148,8               | 196,5                | 344,9               | 170                                  | 10                                   | 10,98               | 43,02                  | 2,9        | 1,7        |
| TTC   | CTCP Gạch<br>men Thanh<br>Thanh        | 60                  | 119,3                | 181,6               | 300                                  | 15                                   | 6,29                | 34,4                   | 3,8        | 2,24       |
| GMH   | CTCP Minh<br>Hưng Quảng<br>Trị         | 77,5                | 169,6                | 180,3               | 118                                  | 8,6                                  | 7,23                | 5,82                   | 6,76       | 6,22       |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 các Công ty, SBSI tổng hợp

(\*) Do trong năm 2020, Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị thực hiện tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng tại quý IV/2020, do đó, để chỉ tiêu so sánh tương đương tính bình quân vốn điều lệ trong kỳ.

Đặc thù ngành vật liệu xây dựng nói chung có tính địa phương cao; do chi phí vận chuyển chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành. Do đó, các Công ty cùng ngành vật liệu xây dựng có quy mô và tầm ảnh hưởng nhất định tại khu vực của mình. So sánh với một số doanh nghiệp, Công ty cổ phần Minh Hưng có những lợi thế nhất định, cụ thể như sau:

- Công ty đang là doanh nghiệp dẫn đầu (market leader) trong khu vực kinh doanh với thị phần lớn và sức tiêu thụ ổn định, có bề dày thương hiệu, am hiểu về tập quán và nhu cầu địa phương, đặc thù





sản xuất kinh doanh mà các doanh nghiệp khác khó cạnh tranh được.

- Thị trường Quảng Trị nói riêng và miền Trung nói chung có hệ thống hạ tầng chưa phát triển, đang được đẩy mạnh đầu tư công. Đồng thời là điểm đến của nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.
- Hiệu quả kinh doanh ổn định, hệ số tài chính luôn duy trì ở mức tốt, không có nợ vay và hệ thống tài sản cố định nhà xưởng, máy móc hiện hữu có giá trị lớn, gần hết khấu hao phản ánh tiềm năng tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh trong những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, do đặc thù ngành nghề khiến cho thị trường hoạt động của Công ty bị hạn chế và gặp nhiều bất lợi khi mở rộng ra thị trường phía Bắc hoặc phía Nam.

#### **7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Định hướng phát triển của Công ty được đánh giá phù hợp với định hướng phát triển chung của thị trường và nhà nước. Cụ thể:

##### **Chính sách hoàn thiện hành lang pháp lý phát triển ngành vật liệu xây dựng**

Ngành VLXD hiện được khuyến khích phát triển, đổi mới. Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 1266/QĐ-TTg về phê duyệt chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Trong đó, Nhà nước đã có những chính sách tạo thuận lợi cho ngành, cụ thể:

- Chú trọng xây dựng hoàn thiện thể chế, chính sách khuyến khích đầu tư mới, đầu tư nâng cấp và chuyển đổi công nghệ sản xuất để đạt được hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.
- Tăng cường quảng bá sản phẩm thúc đẩy thị trường tiêu thụ nội địa; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm vật liệu xây dựng,....;

##### **Chính sách đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công**

- Việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công sẽ mang đến nhiều tác động tích cực đối với ngành vật liệu xây dựng (VLXD) trong bối cảnh các ngành nghề đang gặp nhiều khó khăn từ dịch Covid-19. Theo Bộ Tài chính, hết quý I/2021, tổng mức giải ngân đạt 13,17% kế hoạch, do đó, áp lực giải ngân nguồn vốn đầu tư công vào các dự án được đẩy mạnh. Các hoạt động xây dựng từ vốn đầu tư công được đẩy mạnh tạo cầu cao cho nguyên vật liệu. Các nghiên cứu cho thấy nhu cầu xi măng sẽ hồi phục 3 - 5% do được thúc đẩy bởi đầu tư công. Đặc biệt, chính sách giải ngân vốn đầu tư công còn yêu cầu các công trình thực hiện tại địa phương phải sử dụng từ 50-100% vật liệu không nung, mang thể mạnh của Minh Hưng Quảng Trị. Đây không chỉ là tin vui lớn đối với Minh Hưng Quảng Trị mà còn với cả các doanh nghiệp trong ngành.

##### **- Sự hồi phục của thị trường bất động sản và phát triển cơ sở hạ tầng**

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021- 2030) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2021- 2015), bên cạnh đó với mức lãi suất thấp nhất trong 15 năm qua tạo điều kiện cho dòng vốn đầu tư bất động sản mở rộng, từ đó dẫn đến sự hồi



phục của thị trường. Thị trường bất động sản được đánh giá khởi sắc trong năm 2021 với các vấn đề về thuế, chính sách tín dụng và cam kết giải ngân hỗ trợ doanh nghiệp bất động sản, tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng.

### 7.3 Chiến lược Kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty

#### Kế hoạch kinh doanh:

- Nghiên cứu những dòng sản phẩm mới, mang lại sự phong phú đa dạng của sản phẩm.
- Đẩy mạnh truyền thông quảng bá cho sản phẩm và thương hiệu.

#### Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị xác định quản trị công ty là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng và phát triển bền vững trong dài hạn. Bên cạnh việc nghiêm túc tuân thủ và chấp hành các quy định quản trị đối với Công ty niêm yết, Công ty sẽ triển khai xây dựng thêm các quy trình, quy chế chi tiết hướng dẫn trong nội bộ Công ty thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, từ đó giúp Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng các nguồn lực để phát triển, tạo lòng tin cũng như nâng cao uy tín thương hiệu. Các nguyên tắc quản trị được Công ty xây dựng thống nhất và xuyên suốt:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;

### 7.4 Đầu tư mở rộng trong năm 2021

Nhằm mở rộng quy mô và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2021 Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị đã thực hiện mua 100% cổ phần của Công ty cổ phần Gạch tuynel Minh Hưng với giá trị 50.000.000.000 đồng, tăng số lượng nhà máy sản xuất gạch nung lên 03 nhà máy, chiếm 60% thị phần sản xuất gạch tại Quảng Trị. Kể từ khi thực hiện đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, hiệu quả kinh doanh của Công ty đã đạt những kết quả nhất định.

|                     | Đơn vị tính | 9 tháng năm 2021 | Năm 2022 (kế hoạch) |
|---------------------|-------------|------------------|---------------------|
| Sản lượng gạch nung | Viên        | 15.357.831       | 20.000.000          |
| Doanh thu           | Đồng        | 17.644.336.183   | 23.000.000.000      |
| Lợi nhuận           | Đồng        | 2.028.064.107    | 2.920.000.000       |

Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị

## 8. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong





hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

### 8.1 Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Số lượng lao động Công ty không có nhiều biến động qua các năm do Công ty luôn duy trì chính sách lao động tốt, tạo uy tín và sự gắn bó của người lao động với Công ty. Năm 2021 do Công ty thực hiện mua thêm nhà máy gạch tuynel Minh Hưng, do đó, số lượng lao động tăng thêm 94 người. Tính đến ngày 28/11/2021, số lượng cán bộ nhân viên tại Công ty có 407 người.

**Bảng 15: Số lượng lao động của Công ty qua các năm (đvt: người)**

| Năm               | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 28/11/2021 |
|-------------------|------|------|------|------|------|------------|
| Số lượng lao động | 347  | 334  | 317  | 308  | 313  | 407        |

Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị

**Bảng 16: Tình hình lao động của Công ty**

| Tiêu chí                                        | 28/11/2021 |
|-------------------------------------------------|------------|
| Số lượng nhân viên                              | 407        |
| <b>I. Phân theo trình độ học vấn</b>            | <b>407</b> |
| 1. Thạc sĩ                                      | 02         |
| 2. Trình độ đại học                             | 25         |
| 3. Trình độ cao đẳng                            | 14         |
| 4. Trình độ trung cấp                           | 22         |
| 5. Trình độ sơ cấp                              | 68         |
| 6. Dạy nghề thường xuyên                        | 276        |
| <b>II. Phân theo thời hạn</b>                   | <b>407</b> |
| 1. Hợp đồng Lao động ( Hưu trí, chất lượng cao) | 26         |
| 2. Hợp đồng dài hạn                             | 340        |
| 3. Hợp đồng ngắn hạn                            | 41         |

Nguồn: Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị

### 8.2 Chính sách đối với người lao động

- Chế độ làm việc**

**Thời gian làm việc:** Người lao động làm việc 8h/ngày, 06 ngày/tuần, thay nhau nghỉ chủ nhật 01





ngày/tuần. Thời gian làm việc được chia thành 2 mùa: Mùa hè và mùa đông; mùa hè từ ngày 15/4 đến ngày 15/10, làm việc buổi sáng từ 6h30 đến 11h00; buổi chiều từ 13h30 đến 17h00; thời gian làm việc mùa đông; từ ngày 15/10 đến 15/4 buổi sáng từ 7h00 đến 11h00; buổi chiều từ 13h00 đến 17h00; Đối với công nhân lao động đi làm được chia ra 03 ca.

**Điều kiện làm việc:** Lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm công tác bảo hộ an toàn lao động, có đủ quy trình quy phạm, thiết bị kỹ thuật an toàn, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện công tác an toàn bảo hộ lao động cho công nhân lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, tích cực chăm lo sức khỏe đội ngũ công nhân lao động của công ty. Công ty đã phát huy tốt hệ thống lọc bụi sẵn có, sửa chữa và làm mới các trục đường bê tông trong khu vực và hành lang các nhà xưởng, tạo nên khu làm việc gọn gàng, trồng thêm cây xanh bao quanh các nhà xưởng và nơi công cộng. Với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ công nhân viên trong phong trào "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động". Đến nay Công ty thực sự là cơ sở sản xuất an toàn cho người lao động.

- **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Chính sách tuyển dụng và đào tạo được Lãnh đạo công ty luôn quan tâm. Công ty luôn tập trung vào đào tạo lại tay nghề cho công nhân lao động của Công ty, vừa nâng cao trình độ kỹ thuật lành nghề, vừa nâng cao nhận thức về quản lý kinh doanh để sử dụng tốt nhất nguồn nội lực, từng bước đổi mới khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là các kỹ năng về marketing và phát triển khách hàng.

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

**Chính sách lương:** Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, hệ số, cấp bậc, ngày công lưu động và ưu tiên đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ công nhân viên. Ngoài lương cố định, Công ty còn thực hiện hỗ trợ tiền ăn ca và các chính sách nâng lương trước thời hạn cho các trường hợp có đóng góp làm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Mức lương bình quân:**

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2020 là 5.800.000 đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương tại khu vực, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là phù hợp.

**Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng tháng, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc





thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí.. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,...

#### **Các chính sách, hoạt động xã hội khác**

- Lãnh đạo Công ty tích cực tham gia công tác xã hội: Phát thưởng cho 120 cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi là con của cán bộ CNVC- LĐ trong công ty với kinh phí 24 triệu đồng, ủng hộ quỹ người nghèo của tỉnh 110 triệu đồng, ủng hộ tổ chức "vòng tay nhân ái" của Tỉnh 10 triệu đồng, ủng hộ thôn Tân Hiếu 35 triệu đồng. Hỗ trợ khu tập thể xi măng 10 triệu đồng. Đặc biệt công ty kết hợp với quỹ khuyến học tài trợ cho sinh viên nghèo vượt khó 05 suất học bổng đến khi tốt nghiệp ra trường 150 triệu đồng. Đóng góp cùng Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh 10 triệu đồng trao tặng tuyến đầu phòng chống dịch COVID – 19, tặng 300 suất quà thôn Đơn Duệ, xã Vĩnh Hòa bị cách ly dịch COVID – 19 trị giá 60 triệu đồng, Vĩnh Hòa bị cách ly dịch COVID – 19 trị giá 60 triệu đồng. Hỗ trợ huyện Cam Lộ 100 triệu đồng góp vào Quỹ cứu trợ đồng bào huyện nhà đang gặp khó khăn trong đợt dịch lần thứ 4 tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

#### **9. Chính sách cổ tức**

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

**Bảng 17: Tình hình chi trả cổ tức**

| Năm                  | 2019 | 2020     | 2021 (dự kiến) |
|----------------------|------|----------|----------------|
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | -    | 10%      | 10%            |
| Hình thức            | -    | Tiền mặt | Tiền mặt       |

Nguồn: CTCP Minh Hưng Quảng Trị





## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

#### • Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

**Bảng 18: Thời gian khấu hao của các loại tài sản**

| Loại tài sản                    | Thời gian khấu hao |
|---------------------------------|--------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 10 năm        |
| Máy móc, thiết bị               | 05 - 06 năm        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 08 năm        |
| Thiết bị dụng cụ quản lý        | 05 năm             |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2020, BCTC quý III/2021

#### • Tình hình công nợ hiện tại

**Bảng 19. Tình hình các khoản phải thu**

| Chỉ tiêu                                 | 31/12/2019            | 31/12/2020            | 30/09/2021            |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>17.097.823.696</b> | <b>66.717.786.187</b> | <b>19.486.646.344</b> |
| Phải thu của khách hàng                  | 17.705.129.350        | 14.612.631.161        | 17.237.515.448        |
| Trả trước cho người bán                  | 283.164.496           | 4.538.644.630         | 3.802.761.800         |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)         | -                     | 50.000.000.000        | -                     |
| Phải thu ngắn hạn khác                   | 67.445.000            | 255.584.500           | 1.135.443.200         |
| Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | (957.915.150)         | (2.689.074.104)       | (2.689.074.104)       |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>        | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>17.097.823.696</b> | <b>66.717.786.187</b> | <b>19.486.646.344</b> |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2020, BCTC quý III/2021

(\*) Tại ngày 31/12/2020, Công ty có số dư tài khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với ông Lê Đình Sung – Chủ tịch HĐQT Công ty theo hợp đồng vay vốn số 46/2020/HĐVT ngày 01/12/2020





với lãi suất 4,5%/năm trong thời hạn 03 tháng: Ngày 30/09/2020, Công ty hoàn tất quá trình tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng với mục đích sử dụng vốn được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua bao gồm (i) Bổ sung vốn lưu động, phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh và (ii) Mua cổ phần và phần vốn góp trong các công ty khác phù hợp với quy định của Pháp luật theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2020 của Công ty. Nghị quyết ĐHĐCĐ đã ủy quyền toàn bộ cho HĐQT về mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành, cân đối và thay đổi/điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty. Do thủ tục mua bán Công ty mục tiêu chưa hoàn tất, để tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 3011/2020/NQ-HĐQT về việc cho vay kỳ hạn 03 tháng với Ông Lê Đình Sung với lãi suất 4,5%/năm cao hơn mức lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của các Ngân hàng tại cùng thời điểm. Hợp đồng cho vay số 46/2020/HĐVT giữa Công ty và ông Lê Đình Sung đã đáo hạn vào ngày 01/04/2021. Số tiền được thanh toán bằng cách bù trừ 49,75 tỷ đồng tiền chuyển nhượng cổ phần của ông Lê Đình Sung tại CTCP Gạch tuynel Minh Hưng cho CTCP Minh Hưng Quảng Trị, 250 triệu đồng và tiền lãi phát sinh được ông Sung thanh toán đầy đủ cho Công ty.

**Bảng 19. Tình hình các khoản phải trả**

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu                            | 31/12/2019            | 31/12/2020            | 30/09/2021            |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>  | <b>11.018.018.620</b> | <b>10.485.339.612</b> | <b>18.217.603.504</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn         | 3.621.993.699         | 6.055.427.849         | 3.422.724.023         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 428.400.721           | 139.966.671           | 310.717.525           |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 677.205.800           | 93.937.331            | 10.276.063.605        |
| Phải trả người lao động             | 5.309.152.161         | 3.054.074.636         | 3.334.133.545         |
| Chi phí trả ngắn hạn                | 8.879.487             | 187.009.962           | -                     |
| Phải trả ngắn hạn khác              | 580.399.785           | 584.686.196           | 510.077.839           |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 391.986.967           | 370.236.967           | 363.886.967           |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | -                     | -                     | -                     |
| <b>Các khoản phải trả dài hạn</b>   | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>11.018.018.620</b> | <b>10.485.339.612</b> | <b>18.217.603.504</b> |

*Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2020, BCTC quý III/2021*

• **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tính đến hiện nay, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng và các nhà





cung cấp, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước và không có các khoản phải nộp quá hạn. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế năm 2020

**Bảng 21. Tình hình các khoản phải nộp theo Luật định (Đơn vị tính: đồng)**

| Chỉ tiêu                   | 31/12/2019         | 31/12/2020        | 30/09/2021            |
|----------------------------|--------------------|-------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 533.407.313        | 28.060.267        | 4.812.016.622         |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                  | 17.478.000        | -                     |
| Thuế giá trị gia tăng      | 143.798.487        | 48.399.064        | 5.092.230.933         |
| Thuế, phí khác             | -                  | -                 | 371.816.050           |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>677.205.800</b> | <b>93.937.331</b> | <b>10.276.063.605</b> |

*Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2020, BCTC quý III/2021.*

- Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tổng dư nợ vay**

Tại ngày 30/09/2021, Công ty không có dư nợ vay tài chính.

## 10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 22. Các chỉ tiêu tài chính năm**

| Các chỉ tiêu                              | Đvt | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-------------------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |     |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                 | Lần | 7,88     | 16,52    |
| Hệ số thanh toán nhanh                    | Lần | 3,14     | 11,75    |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |     |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                     | Lần | 0,12     | 0,058    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                   | Lần | 0,13     | 0,062    |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>  |     |          |          |





|                                                         |        |      |       |
|---------------------------------------------------------|--------|------|-------|
| Vòng quay hàng tồn kho                                  | Vòng   | 1,67 | 1,87  |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                  | Lần    | 1,09 | 0,86  |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                 |        |      |       |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần               | %      | 3,76 | 7,23  |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân       | %      | 4,73 | 6,76  |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân         | %      | 4,13 | 6,22  |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %      | 5,09 | 8,64  |
| Thu nhập trên cổ phần (VND/cổ phần)                     | VND/CP | 770  | 1.094 |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2020

#### Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và đảm bảo Công ty không rơi vào tình trạng kiệt quệ. Các hệ số thanh toán của Công ty ở mức cao, phản ánh doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt. Đồng thời, Công ty duy trì được lượng tiền lưu động ổn định, đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh thường ngày, sẵn sàng trong các trường hợp thanh toán trước tiên nguyên vật liệu, tạm ứng tiền hàng,....

#### Cơ cấu vốn

Công ty hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn vốn chủ sở hữu, không có vay tín dụng ngân hàng và các khoản phải trả khác chiếm tỉ trọng nhỏ khiến cho hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty đạt 0,058 năm 2020, ở mức thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành. Cơ cấu vốn vay thấp phản ánh khả năng độc lập nguồn vốn, không chịu ảnh hưởng nhiều với biến động rủi ro lãi suất trên thị trường.

#### Năng lực hoạt động

Do đặc thù sản xuất kinh doanh khiến cho tại thời điểm cuối năm, số dư hàng tồn kho của Công ty tăng cao dẫn đến vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp chỉ đạt 1,87 vòng/năm. Vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động lần lượt đạt 0,86 vòng/năm và 0,97 vòng/năm do đầu quý IV/2020, Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu từ 50 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng trong đó có hơn 77 tỷ đồng vốn tăng mới khiến cho tổng tài sản và tài sản lưu động trong năm tăng dẫn tới vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động giảm.

#### Khả năng sinh lời

Dù quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2020 đều tăng, các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2020 đều tăng so với năm 2019, phản ánh tính hiệu quả và phù hợp của các chính sách sản xuất kinh doanh dẫn tới tốc độ tăng lợi nhuận cao hơn tốc độ tăng tài sản và vốn chủ sở hữu.

#### 11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng





### 11.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

| Họ và tên           | Chức danh       | Ghi chú                         |
|---------------------|-----------------|---------------------------------|
| Ông Lê Đình Sung    | Chủ tịch HĐQT   | Thành viên HĐQT không điều hành |
| Bà Phạm Thị Mỹ Liên | Thành viên HĐQT | Thành viên HĐQT điều hành       |
| Ông Trần Cảnh Bình  | Thành viên HĐQT | Thành viên HĐQT điều hành       |
| Ông Trương Đức Trí  | Thành viên HĐQT | Thành viên HĐQT độc lập         |
| Ông Nguyễn Văn Tú   | Thành viên HĐQT | Thành viên HĐQT không điều hành |

#### a. Chủ tịch HĐQT – Lê Đình Sung

- Họ và tên: Lê Đình Sung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/06/1963
- Nơi sinh: Phường I, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 46 đường Lê Duẩn, Khu phố 9, Phường I, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Số CMND: 190112325      Nơi cấp: CA tỉnh Quảng Trị      Ngày cấp: 05/10/2017
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: CTHĐTV, Giám đốc Công ty TNHH Minh Hưng
- Quá trình công tác:

| Thời gian           | Chức vụ                          | Đơn vị công tác          |
|---------------------|----------------------------------|--------------------------|
| Từ 1998 đến nay     | Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc      | Công ty TNHH Minh Hưng   |
| Từ 2012 đến 11/2020 | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |
| Từ 12/2020 đến nay  | Chủ tịch HĐQT                    | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 2.316.185 cổ phần, chiếm 14,04% vốn điều lệ





- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan:

| TT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu trên VDL | Mối quan hệ |
|----|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------|
| 1  | Phạm Thị Mỹ Liên    | 190997667        | 2.250.000           | 13,64%                | Vợ          |
| 2  | Lê Thị Diệu Trinh   | 045188000457     | 50.036              | 0,3%                  | Con đẻ      |
| 3  | Lê Đình Minh        | 197216695        | 830.836             | 5,04%                 | Con đẻ      |
| 4  | Lê Thị Mỹ Trang     | 197249534        | 295.700             | 1,79%                 | Con đẻ      |
| 5  | Nguyễn Văn Tú       | 013245053        | 711.768             | 4,31%                 | Con rể      |
| 6  | Lê Thị Thảo Duyên   | 197263222        | 714.065             | 4,33%                 | Con dâu     |

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm

**b. Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc- Phạm Thị Mỹ Liên**

- Họ và tên: Phạm Thị Mỹ Liên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/02/1965
- Nơi sinh: Xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 46 đường Lê Duẩn, Khu phố 9, Phường I, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Số CMND: 190997667      Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị      Ngày cấp: 21/05/2019
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức vụ | Đơn vị công tác |
|-----------|---------|-----------------|
|-----------|---------|-----------------|





| Thời gian              | Chức vụ                      | Đơn vị công tác          |
|------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Từ năm 2012 đến nay    | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |
| Từ 12/2020 đến 06/2021 | Thành viên HĐQT              | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |
| Từ 06/2020 đến nay     | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 2.250.000 cổ phần, chiếm 13,64% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu của người có liên quan:

| TT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu | Số lượng CP nắm giữ | tỷ lệ sở hữu trên VDL | Mối quan hệ |
|----|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------|
| 1. | Lê Đình Sung        | 190112325        | 2.316.185           | 14,04%                | Chồng       |
| 2. | Lê Thị Diệu Trinh   | 045188000457     | 50.036              | 0,3%                  | Con đẻ      |
| 3. | Lê Đình Minh        | 197216695        | 830.836             | 5,04%                 | Con đẻ      |
| 4. | Lê Thị Mỹ Trang     | 197249534        | 295.700             | 1,79%                 | Con đẻ      |
| 5. | Nguyễn Văn Tú       | 012345053        | 711.768             | 4,31%                 | Con rể      |
| 6. | Lê Thị Thảo Duyên   | 197263222        | 714.065             | 4,33%                 | Con dâu     |
| 7. | Phạm Thị Mỹ Hoa     | 191218349        | 5.500               | 0,03%                 | Em ruột     |
| 8. | Trương Đức Trí      | 190997631        | 150.000             | 0,91%                 | Em rể       |

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm

**c. Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Ông Trần Cảnh Bình**

- Họ và tên: Trần Cảnh Bình
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/07/1956
- Nơi sinh: Xã Trung Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị





- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 03 Trần Quang Khải, Khu phố 11, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMND: 197254260 Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị Ngày cấp: 21/08/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian             | Chức vụ                                   | Đơn vị công tác                            |
|-----------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Từ năm 1980 – 1987    | Trưởng phòng KH-KT                        | Đoàn K3, Liên hiệp đá cát sỏi, Bộ Xây dựng |
| Từ năm 1987 – 2011    | Quản đốc phân xưởng Xi măng, Phó Giám đốc | Công Ty TNHH MTV Đông Trường Sơn Quảng Trị |
| Năm 2011              | Giám Đốc                                  | Công Ty TNHH MTV Đông Trường Sơn Quảng Trị |
| Từ năm 2012 – 11/2020 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc    | CTCP Minh Hưng Quảng Trị                   |
| 12/2020 đến nay       | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc        | CTCP Minh Hưng Quảng Trị                   |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 409.919 cổ phần, chiếm 2,48% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty.

**d. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Văn Tú**





- Họ và tên: Nguyễn Văn Tú
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/08/1986
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 46 đường Lê Duẩn, Khu phố 9, Phường I, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Số CMND: 012345053    Nơi cấp: Công an Tp. Hà Nội    Ngày cấp: 06/03/2014
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh.
- Quá trình công tác:

| Thời gian       | Chức vụ                          | Đơn vị công tác                 |
|-----------------|----------------------------------|---------------------------------|
| 2014 đến nay    | Chủ tịch kiêm Giám đốc           | Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh |
| 2017 – 11/2020  | Giám đốc nhà máy gạch không nung | CTCP Minh Hưng Quảng Trị        |
| 12/2020 đến nay | Thành viên HĐQT                  | CTCP Minh Hưng Quảng Trị        |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 711.768 cổ phần, chiếm 4,31 % vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu của người có liên quan:

| TT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ | Mối quan hệ |
|----|---------------------|------------------|---------------------|-------------------------------|-------------|
| 1. | Lê Đình Sung        | 190112325        | 2.316.185           | 14,04%                        | Bố vợ       |
| 2. | Phạm Thị Mỹ Liên    | 190997667        | 2.250.000           | 13,64%                        | Mẹ vợ       |
| 3. | Lê Thị Diệu Trinh   | 197228000        | 50.036              | 0,3%                          | Vợ          |

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không





- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và theo Quy chế lao động Công ty.

**e. Thành viên HĐQT – Ông Trương Đức Trí**

- Họ và tên: Trương Đức Trí
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/10/1967
- Nơi sinh: Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 45A, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMND: 190997631 Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị Ngày cấp: 16/04/2009
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian               | Chức vụ         | Đơn vị công tác          |
|-------------------------|-----------------|--------------------------|
| Từ năm 1999 đến 11/2020 | Phó Giám đốc    | Công ty TNHH Minh Hưng   |
| 12/2020 đến nay         | Thành viên HĐQT | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 150.000 cổ phần, chiếm 0,91% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu của người có liên quan:

| TT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu trên VDL | Mối quan hệ |
|----|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------|
| 1  | Phạm Thị Mỹ Hoa     | 191218349        | 5.500               | 0,03%                 | Vợ          |

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng





năm.

### 11.2. Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc ở thời điểm hiện tại bao gồm:

| Họ và tên              | Chức danh         |
|------------------------|-------------------|
| 1. Ông Trần Cảnh Bình  | Tổng giám đốc     |
| 2. Bà Phạm Thị Mỹ Liên | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Đặng Sĩ Tiếp    | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Bá Hải   | Kế toán trưởng    |

**a. Tổng Giám đốc – Ông Trần Cảnh Bình**

Đã trình bày ở mục HĐQT.

**b. Phó Tổng Giám đốc – Bà Phạm Thị Mỹ Liên**

Đã trình bày ở mục HĐQT.

**c. Phó Tổng Giám đốc – Ông Đặng Sĩ Tiếp**

- Họ và tên: Đặng Sĩ Tiếp
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/01/1981
- Nơi sinh: Triệu Ái, Triệu Phong, Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 81, Lý Thường Kiệt, P. Đông Lương, TP Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMND: 197062837 Nơi cấp: CA Quảng Trị Ngày cấp: 23/08/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán Tài Chính
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Minh Hưng.
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Chức vụ            | Đơn vị công tác                                                                  |
|------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 2012 đến 2016 | Giám đốc chi nhánh | Chi nhánh số DVTH và kinh doanh vận tải số 2 – CTCP Dịch vụ và Vận tải ô tô số 6 |
| Từ 2014 đến 2016 | Trưởng BKS         | CTCP Dịch vụ và vận tải ô tô số 6                                                |
| 8/2019 đến nay   | Kế toán trưởng     | Công ty TNHH Minh Hưng                                                           |





| Thời gian       | Chức vụ | Đơn vị công tác          |
|-----------------|---------|--------------------------|
| 12/2020 đến nay | Phó TGD | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 487.000 cổ phần, chiếm 2,95 % vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

**d. Kế toán trưởng – Ông Nguyễn Bá Hải**

- Họ và tên: Nguyễn Bá Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/05/1963
- Nơi sinh: TT Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: KP5, phường 3, TP.Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMND: 197037442 Nơi cấp: CA Quảng Trị Ngày cấp: 25/11/2008
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian    | Chức vụ        | Đơn vị công tác                     |
|--------------|----------------|-------------------------------------|
| 2012 đến nay | Kế toán trưởng | Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ





+ Sở hữu của người có liên quan:

| STT | Tên cá nhân/tổ chức    | Số<br>CMND/Hộ<br>chiếu | Số lượng CP<br>nắm giữ | Tỷ lệ sở<br>hữu trên<br>VDL | Mối<br>quan hệ |
|-----|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|----------------|
| 1.  | Nguyễn Trường Thiên Lý | 197306095              | 1.900                  | 0,01%                       | Con đẻ         |

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

### 11.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:**

| Họ và tên        | Chức danh      |
|------------------|----------------|
| 1. Võ Thanh Sơn  | Trưởng BKS     |
| 2. Lê Đức        | Thành viên BKS |
| 3. Phạm Quốc Hải | Thành viên BKS |

#### a. Trưởng BKS – Ông Võ Thanh Sơn

- Họ và tên: Võ Thanh Sơn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/08/1962
- Nơi sinh: Triệu Ái, Triệu Phong, Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phường 3, Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMND: 197037374 Nơi cấp: Công an Quảng Trị Ngày cấp: 31/08/1993
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:





| Thời gian               | Chức vụ                        | Đơn vị công tác          |
|-------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| Từ năm 2012 đến 03/2021 | Giám đốc Nhà máy Gạch Linh Đơn | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |
| Từ năm 2012 đến nay     | Trưởng BKS                     | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 5.439 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu của người có liên quan: 2.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

| TT | Tên cá nhân/tổ chức | Số CMND/Hộ chiếu | Số lượng CP nắm giữ | tỷ lệ sở hữu trên VDL | Mối quan hệ |
|----|---------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------|
| 1. | Võ Thị Ngọc Hà      | 197319158        | 2.000               | 0,01%                 | Con đẻ      |

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

**b. Thành viên BKS – Ông Lê Đức**

- Họ và tên: Lê Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/08/1965
- Nơi sinh: Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phường 3, Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMND: 191216083 Nơi cấp: Công an Quảng Trị Ngày cấp: 13/07/2018
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên BKS kiêm Giám đốc nhà máy Gạch Tuynel Đông Hà
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:





| Thời gian           | Chức vụ                              | Đơn vị công tác          |
|---------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Từ năm 2012 đến nay | Giám đốc Nhà máy gạch Tuynel Đông hà | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |
| Từ năm 2012 đến nay | Thành viên BKS                       | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:  
Sở hữu cá nhân: 3.519 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ  
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ  
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty

**c. Thành viên BKS – Ông Phạm Quốc Hải**

- Họ và tên: Phạm Quốc Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/03/1970
- Nơi sinh: Đông Triều, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Khu phố 8, Phường 1, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Số CMND: 197302158      Nơi cấp: Công an Quảng Trị      Ngày cấp: 10/11/2018
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ thuật
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Chức vụ                               | Đơn vị công tác          |
|------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Từ 2020-02/2021  | Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính    | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |
| Từ 03/2021 - nay | Công nhân vận hành phân xưởng Xi măng | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |





| Thời gian       | Chức vụ        | Đơn vị công tác          |
|-----------------|----------------|--------------------------|
| Từ 2020 đến nay | Thành viên BKS | CTCP Minh Hưng Quảng Trị |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty

## 12. Tài sản

### 12.1 Tài sản cố định

**Bảng 23: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2020**

Đơn vị tính: đồng

| Chi tiêu                        | Nguyên giá            | Giá trị còn lại      | %GTCL/NG     |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|--------------|
| <b>Tài sản cố định</b>          |                       |                      |              |
| Tài sản cố định hữu hình        | 71.721.822.531        | 5.624.440.067        | 7,84%        |
| Tài sản cố định vô hình         | -                     | -                    | -            |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>71.721.822.531</b> | <b>5.624.440.067</b> | <b>7,84%</b> |
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>71.721.822.531</b> | <b>5.624.440.067</b> | <b>7,84%</b> |
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 36.358.582.337        | 625.784.539          | 1,72%        |
| Máy móc và thiết bị             | 17.801.187.061        | 1.989.054.007        | 11,17%       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 16.338.270.387        | 3.009.601.521        | 18,42%       |
| Thiết bị văn phòng              | 1.223.782.746         | -                    | -            |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>71.721.822.531</b> | <b>5.624.440.067</b> | <b>7,84%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020





**Bảng 24. Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2021**

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu                        | Nguyên giá             | Giá trị còn lại       | %GTCL/NG      |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------|
| <b>Tài sản cố định</b>          |                        |                       |               |
| Tài sản cố định hữu hình        | 106.739.193.274        | 37.724.475.751        | 35,34%        |
| Tài sản cố định vô hình         | -                      | -                     | -             |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>106.739.193.274</b> | <b>37.724.475.751</b> | <b>35,34%</b> |
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> |                        |                       |               |
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 57.872.877.207         | 25.106.944.807        | 43,38%        |
| Máy móc và thiết bị             | 34.371.558.334         | 11.102.076.152        | 32,3%         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 14.219.757.733         | 1.515.454.792         | 10,7%         |
| Thiết bị văn phòng              | 275.000.000            | -                     | 0%            |
| <b>Tổng cộng</b>                | <b>106.739.193.274</b> | <b>37.724.475.751</b> | <b>35,34%</b> |

Nguồn: BCTC quý III/2021

Tài sản cố định trong năm 2021 tăng là do Công ty thực hiện mua thêm nhà máy gạch. Thông tin chi tiết về giá trị tài sản cố định tăng thêm cụ thể như sau:

Căn cứ thực hiện: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ năm 2020; Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 20/NQ-ĐHĐCĐ.

Giá trị thực hiện mua lại: 50.000.000.000 đồng

Hình thức mua lại: nhận chuyển nhượng 100% cổ phần của các cổ đông CTCP Gạch tuynel Minh Hưng (trong đó có ông Lê Đình Sung sở hữu 4.750.000 cổ phần)

Giá trị định giá theo chứng thư thẩm định giá số 25820 – 04DN/SHA: 50.434.000.000 đồng

Thời gian hoàn tất thực hiện: 10/03/2021

| Chỉ tiêu                        | Giá trị nguyên giá TSCĐ tăng |
|---------------------------------|------------------------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>35.406.026.743</b>        |
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 26.084.367.718               |
| Máy móc và thiết bị             | 9.321.659.025                |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | -                            |
| Thiết bị văn phòng              | -                            |





|                         |                       |
|-------------------------|-----------------------|
| Tài sản cố định vô hình | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>35.406.026.743</b> |

Nguồn: BCTC quý III/2021

Theo báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2021, giá trị tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng của Công ty là 56.973.968.180 đồng.

## 12.2 Tình hình sử dụng đất đai

**Bảng 25 Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/09/2021**

| ST<br>T | Địa chỉ                                                     | Diện<br>tích (m <sup>2</sup> ) | Loại hình         | Thời hạn sử<br>dụng                              | Mục đích<br>sử dụng               | Cơ sở<br>pháp lý                 |
|---------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1       | Thôn Tân Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị    | 67.421                         | Trả tiền hàng năm | Hạn sử dụng đến: 15/10/2043<br>(Còn hạn: 23 năm) | Xây dựng nhà máy xi măng          | HĐ số: 85/HĐ/TĐ, ngày 27/12/2019 |
| 2       | Khu phố 1, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị      | 41.725                         | Trả tiền hàng năm | Hạn sử dụng đến: T-12/2046 (Còn hạn: 26 năm)     | Khu vực nhà máy gạch Đông Hà      | GCNQSD Đ số: BI 835091           |
| 3       | Thôn Linh Đơn, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị | 40.543                         | Trả tiền hàng năm | Hạn sử dụng đến: 14/8/2043<br>(Còn hạn: 23 năm)  | Khu vực nhà máy gạch Linh Đơn     | HĐ số: 87/HĐ/TĐ, ngày 27/12/2019 |
| 4       | Thôn Tân Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị    | 14.322                         | Trả tiền hàng năm | Hạn sử dụng đến: 15/10/2043<br>(Còn hạn: 23 năm) | Khu vực trạm xá, vật tư, trạm cân | GCNQSD Đ số: BI 835090           |
| 5       | Tiểu khu 1, Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, Quảng Trị    | 36.773                         | Trả tiền hàng năm | Hạn sử dụng đến: 15/10/2043<br>(Còn hạn: 23 năm) | Nhà máy gạch Tuynel Minh Hưng     | HĐ số: 46/HĐ/TĐ, ngày 21/8/2018  |
| 6       | Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị                  | 32.944                         | Trả tiền hàng năm | Hạn sử dụng đến: 30/01/2038<br>(Còn hạn: 18 năm) | Kho bãi chứa nguyên liệu          | GCNQSD Đ số: BI 835010           |
| 7       | Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị                  | 2.616                          | Trả tiền hàng năm | Hạn sử dụng đến: 30/01/2038                      | Nhà văn phòng mỏ đá               | HĐ số: 75/HĐ/                    |





| ST<br>T | Địa chỉ                                       | Diện<br>tích (m <sup>2</sup> ) | Loại hình            | Thời hạn sử<br>dụng                                        | Mục đích<br>sử dụng            | Cơ sở<br>pháp lý             |
|---------|-----------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
|         |                                               |                                |                      | (Còn hạn: 18<br>năm )                                      |                                | TĐ, ngày<br>27/6/2017        |
| 8       | Xã Cam Tuyền, huyện<br>Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị | 6.031                          | Trà tiền<br>hàng năm | Hạn sử dụng<br>đến:<br>29/11/2069<br>(Còn hạn: 49<br>năm ) | Kho chứa<br>gạch không<br>nung | GCNQSD<br>Đ số: CH<br>054420 |
|         | <b>Tổng cộng</b>                              | <b>242.375</b>                 |                      |                                                            |                                |                              |

**13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo**

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ ĐHĐCĐ ngày 27/02/2021.

**Bảng 26: Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 - 2022**

| Chỉ tiêu                             | Năm 2021                 |                                      | Thực hiện đến<br>30/09/2021 |                           | Năm 2022                       |                                         |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|
|                                      | Kế hoạch<br>(triệu đồng) | %<br>tăng/giảm<br>so với năm<br>2020 | Giá trị<br>(triệu<br>đồng)  | % kế<br>hoạch<br>năm 2021 | Kế<br>hoạch<br>(triệu<br>đồng) | %<br>tăng/giảm<br>so với KH<br>năm 2021 |
| Doanh thu thuần                      | 168.000                  | 42,01%                               | 135.257                     | 81%                       | 170.000                        | 1,2%                                    |
| Lợi nhuận sau<br>thuế                | 16.800                   | 96,49%                               | 19.211                      | 114%                      | 20.000                         | 19%                                     |
| Vốn chủ sở hữu                       | 178.936                  | 3,0%                                 | 181.098                     | -                         | 198.936                        | 21%                                     |
| Tỷ lệ LNST<br>/DTT                   | 10%                      | 38,5%                                | 14%                         | -                         | 12%                            | 20%                                     |
| Tỷ lệ<br>LNST/VCSH<br>bình quân      | 9,64%                    | 42,6%                                | 11%                         | -                         | 11%                            | 14%                                     |
| Tỷ lệ chi trả cổ<br>tức (% mệnh giá) | 10%                      | 0%                                   | -                           | -                         | 12%                            | 20%                                     |

Nguồn: Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị

**13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**





### **Căn cứ vào năng lực sản xuất của các nhà máy**

Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị hiện đang có 05 nhà máy sản xuất bao gồm 03 nhà máy sản xuất gạch tuynel, 01 nhà máy sản xuất gạch không nung và 01 nhà máy sản xuất xi măng, chiếm thị phần cung ứng nguồn vật liệu xây dựng đặc biệt là gạch xây lớn nhất tại tỉnh Quảng Trị. Tổng công suất sản xuất của các nhà máy gạch có thể đạt đến 80 triệu viên/năm, công suất nghiền nhà máy có thể đạt đến 160.000 tấn clinker/năm. Tại mỗi nhà máy đều có các bộ phận quản lý, sửa chữa hệ thống sản xuất, đồng thời thực hiện nâng cấp, sửa chữa lớn hàng năm khiến cho thời gian hoạt động thực tế của doanh nghiệp đạt trên 350 ngày/năm. Lợi thế từ vị trí địa lý gần các nguồn nguyên liệu, Công ty có thể ổn định việc sản xuất trong các điều kiện thiên nhiên bất lợi như mưa hay ảnh hưởng bởi các chính sách giãn cách do dịch bệnh.

Bên cạnh đó, việc tài sản cố định hữu hình phục vụ sản xuất kinh doanh như nhà xưởng, máy móc thiết bị trích khấu hao hết nhưng vẫn còn giá trị sử dụng tác động trực tiếp khiến cho chi phí sản xuất giảm, lợi nhuận ròng của Công ty tăng lên.

### **Căn cứ vào tình hình thị trường vật liệu xây dựng tại miền Trung nói chung và Quảng Trị nói riêng**

Năm 2021 được kỳ vọng là năm hồi phục của nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng nói riêng sau một năm âm ỉ do tình hình dịch bệnh và thực tế 09 tháng đầu năm 2021 đã chứng minh được sự hồi phục đáng kể của ngành vật liệu xây dựng. Nhu cầu xây dựng dân dụng, nâng cấp cơ sở hạ tầng sau ảnh hưởng của bão lũ nghiêm trọng trong tháng 11/2020 khiến cho nhu cầu vật liệu xây dựng tăng cao, sự khan hiếm về nguồn cung do việc sản xuất tại các doanh nghiệp bị gián đoạn và chính sách đầu tư công ảnh hưởng trực tiếp đến biến động giá vật liệu xây dựng trên thị trường.

Sự hồi phục kinh tế và tình hình kiểm soát tốt dịch bệnh cũng là điều kiện thuận lợi để tiến hành triển khai xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng, công trình sự nghiệp của Nhà nước tại Quảng Trị và các tỉnh lân cận khiến cho nhu cầu vật liệu xây dựng tại khu vực tăng cao. Cụ thể: Dự án đầu tư quốc lộ 9 dự kiến khởi công xây dựng tháng 03/2022 với tổng mức đầu tư đạt 440 tỷ đồng; Dự án sân bay Quảng Trị dự kiến khởi công xây dựng tháng 04/2022 hoàn thành tháng 10/2024 với tổng mức đầu tư 3.214 tỷ đồng; và các dự án chính trang công trình lịch sử, di tích,...

Theo Báo cáo ngành vật liệu xây dựng từ VIRAC Research, giá các sản phẩm vật liệu xây dựng dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm 2022 do tốc độ tăng trưởng giá trị thực xây dựng nhà ở và nhà không ở dự kiến đạt 7,9% cao hơn 1,7% so với năm 2020; đồng thời do kỳ vọng dịch bệnh được kiểm soát tốt nhờ tỷ lệ phủ vaccine sẽ khiến cho các hoạt động kinh tế sôi động hơn. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa nhanh và tăng trưởng dân số 0,9% mỗi năm thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng tăng cao.

### **Căn cứ vào thương hiệu và công tác quản trị doanh nghiệp**

Để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên, Công ty đưa ra nhóm các giải pháp, căn cứ để hoàn thành kế hoạch, cụ thể:





- Nâng cao hơn nữa công tác quản trị, rà soát, cải tiến, bổ sung các quy trình, quy chế.
- Tiếp tục tái cấu trúc, sắp xếp nhân sự cho phù hợp với tình hình mới;
- Tăng cường phân quyền, phân định rõ trách nhiệm, nâng cao tính chủ động của cán bộ công nhân viên trong Công ty;

#### **Công tác bán hàng và hỗ trợ bán hàng**

- Tiếp tục cải tiến để hoàn thiện các thủ tục bán hàng, đảm bảo tính kịp thời, thuận lợi, cạnh tranh.
- Rà soát hệ thống khách hàng, tìm kiếm, bổ sung mở rộng mạng lưới các khách hàng mới.
- Tổ chức tốt công tác dự báo, theo dõi, nắm bắt thông tin thị trường.
- Tìm kiếm các giải pháp kinh doanh để giữ vững và mở rộng thị phần tại khu vực hoạt động.

#### **Các lĩnh vực khác**

- Thực hiện nghiên cứu, đầu tư các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường, chính sách phát triển của Nhà nước và địa phương.
- Tham gia hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư các lĩnh vực có nhiều tiềm năng khác như kinh doanh trong lĩnh vực đăng kiểm,... nhằm tận dụng tối đa hiệu quả vốn của Công ty.

### **13.2 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị (HĐQT), Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.**

Hiện nay, Công ty định hướng tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, đầu tư tài sản nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời ủy quyền cho HĐQT thực hiện theo chủ trương đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế bao gồm tham gia đầu tư tài chính, M&A – đầu tư vào các doanh nghiệp cùng ngành nghề,...

#### **Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất vôi công nghiệp**

Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị đang đầu tư Nhà máy sản xuất vôi công nghiệp đầu tiên tại tỉnh Quảng Trị với công suất dự kiến 120.000 tấn/năm với nguồn sản phẩm chất lượng dự kiến như đá vôi xây dựng, đá xây dựng,...

Nguồn nguyên liệu khai thác: Mỏ đá vôi D-Tân Lâm có trữ lượng đá vôi khoảng 23 triệu tấn, đá vôi sét 4 triệu tấn và khoảng 2,5 triệu m<sup>3</sup> đá xây dựng.

Tổng mức đầu tư dự kiến: 63 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư tại thời điểm hiện tại: 355,2 triệu đồng.

Công suất sản xuất: 120.000 tấn vôi công nghiệp/năm.

Sản phẩm cung cấp: Vôi công nghiệp, vôi ngâm nước, đá xây dựng. Tận dụng lĩnh vực sản xuất xi măng sẵn có tạo ra các sản phẩm mới phù hợp với thị trường.

Thị trường tiêu thụ: Cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp sản xuất, xử lý môi trường, các doanh nghiệp sản xuất thép, Alumina, mía đường,... Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận, đồng thời xuất khẩu sang Lào, phục vụ ngành khai thác vàng, đồng.

Doanh thu dự kiến: Dự án mang lại doanh thu từ 50-70 tỷ đồng cho giai đoạn 2023 trở đi.





**13.3 Kế hoạch tăng vốn**

Không có.

**14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ là đơn vị tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Trong lĩnh vực hoạt động, Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị hiện là doanh nghiệp đầu ngành của tỉnh Quảng Trị, có quy mô sản xuất và lợi thế đặc biệt về thị trường, am hiểu thói quen tiêu dùng của người địa phương, nhu cầu sử dụng.

Về chiến lược kinh doanh, công ty bắt kịp xu thế thị trường và đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng. Việc xây dựng chiến lược kinh doanh và doanh thu đều được dựa trên nền tảng phát triển của sản phẩm hiện có với sự gia tăng trong sản xuất và mở rộng mạng lưới tiêu thụ. Chúng tôi đánh giá chiến lược kinh doanh của công ty là phù hợp với xu thế thị trường.

Với mức tăng trưởng doanh thu 42,01% năm 2021 đặt ra thể hiện kỳ vọng của Ban lãnh đạo về năng lực sản xuất và kế hoạch mở rộng thị trường hoạt động. Hết quý III/2021, Doanh thu thực hiện đạt 80% kế hoạch và lợi nhuận đạt 114% kế hoạch, trong điều kiện dịch bệnh tiếp tục được kiểm soát tốt và những biến động bất thường không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đặt ra trong năm tài chính 2021 là hoàn toàn có thể đạt được.

Năm 2022; Công ty đặt mục tiêu doanh thu đạt 170 tỷ đồng và lợi nhuận 20 tỷ đồng thể hiện tính cân trọng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty. Trong điều kiện tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt, hoạt động kinh tế và nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng trong năm 2022, các hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2022 hoàn toàn có thể đạt được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

**15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có





## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

### 2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. Tổng số chứng khoán niêm yết

16.500.000 cổ phiếu. (Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm cổ phiếu)

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.

Theo quy định tại Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Danh sách người nội bộ và cổ đông lớn là người liên quan của người nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

| STT | Tên              | SL cổ phiếu<br>nắm giữ | Hạn chế chuyển<br>nhượng 100% số cổ<br>phiếu trong 06 tháng<br>từ ngày niêm yết | Hạn chế chuyển<br>nhượng 50% số cổ<br>phiếu trong 06 tháng<br>tiếp theo |
|-----|------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lê Đình Sung     | 2.316.185              | 2.316.185                                                                       | 1.158.093                                                               |
| 2   | Phạm Thị Mỹ Liên | 2.250.000              | 2.250.000                                                                       | 1.125.000                                                               |
| 3   | Nguyễn Văn Tú    | 711.768                | 711.768                                                                         | 355.884                                                                 |
| 4   | Trần Cảnh Bình   | 409.919                | 409.919                                                                         | 204.960                                                                 |
| 5   | Lê Đức           | 3.519                  | 3.519                                                                           | 1.760                                                                   |
| 6   | Võ Thanh Sơn     | 5.439                  | 5.439                                                                           | 2.720                                                                   |
| 7   | Nguyễn Bá Hải    | 2.400                  | 2.400                                                                           | 1.200                                                                   |
| 8   | Đặng Sĩ Tiếp     | 487.000                | 487.000                                                                         | 243.500                                                                 |
| 9   | Trương Đức Trí   | 150.000                | 150.000                                                                         | 75.000                                                                  |
| 10  | Lê Đình Minh     | 830.836                | 830.836                                                                         | 415.418                                                                 |

### 5. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp giá trị sổ sách và giá trị thị trường theo phương pháp so sánh P/E, P/B cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu                           | Giá trị (đồng)  |
|------------------------------------|-----------------|
| Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 | 169.636.725.348 |
| Giá trị cổ phiếu ưu đãi            | 0               |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát    | 0               |





Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành tại ngày 31/12/2020

16.000.000

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách một cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Giá trị cổ phiếu ưu đãi} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành}} \\ &= \frac{169.636.725.348}{16.000.000} = 10.602 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

Để tính các chỉ số P/E, P/B bình quân của ngành, Công ty sẽ căn cứ vào P/E của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, có quy mô gần với quy mô hoạt động và đặc điểm kinh doanh tương tự với CTCP Minh Hưng Quảng Trị đã niêm yết/đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán.

| STT | Tên Công ty                      | Mã CK | P/E          | P/B         |
|-----|----------------------------------|-------|--------------|-------------|
| 1   | CTCP Khang Minh Group            | GKM   | 43,02        | 3,56        |
| 2   | CTCP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng | LBM   | 11,67        | 1,77        |
| 3   | CTCP Create Capital Group        | CRC   | 39,45        | 2,05        |
| 4   | CTCP Gạch men Thanh Thanh        | TTC   | 8,19         | 0,83        |
|     | <b>Bình quân</b>                 |       | <b>25,58</b> | <b>2,05</b> |

*Nguồn: Công ty tổng hợp*

#### **Giá trị thị trường (được tính theo phương pháp P/E)**

Theo phương pháp này giá trị một cổ phần Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị được xác định theo công thức:

Giá trị một cổ phần = EPS x P/E bình quân của ngành

Trong đó:

EPS: thu nhập của một cổ phiếu thường (đồng/cổ phần)

P: Giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)

P/E: chỉ số giá trên thu nhập một cổ phiếu

Theo BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Minh Hưng Quảng Trị, EPS = 1.094 đồng

Giá một cổ phiếu theo phương pháp P/E = 25,58 x 1.094 = 27.984 đồng/cổ phiếu

#### **Giá trị thị trường (được tính theo phương pháp P/B)**

Theo phương pháp này giá trị một cổ phần Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị được xác định theo công thức:

Giá trị một cổ phần = BVPS x P/B bình quân của ngành

Trong đó:

BVPS: giá trị sổ sách trên một cổ phiếu thường (đồng/cổ phần)

P: Giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)

P/B: chỉ số giá trên giá trị sổ sách của cổ phiếu

Theo BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Minh Hưng Quảng Trị, BVPS = 10.602 đồng/cổ phiếu

Giá một cổ phiếu theo phương pháp P/B = 2,05 x 10.602 = 21.734 đồng/cổ phiếu





| STT       | Phương pháp     | Giá trị | Tỷ trọng |
|-----------|-----------------|---------|----------|
| 1         | Phương pháp P/E | 27.984  | 50%      |
| 2         | Phương pháp P/B | 21.734  | 50%      |
| Bình quân |                 | 24.859  | 100%     |

**Căn cứ đề xuất mức giá niêm yết:**

Căn cứ theo giá trị cổ phiếu được xác định theo phương pháp P/E, P/B là **24.859 đồng/cổ phiếu**

Căn cứ theo giá trúng đấu giá thành công bình quân của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo kết quả đấu giá cổ phiếu số 1961/TB-SGDHCM là **22.014 đồng/cổ phiếu**.

Nhằm gia tăng tính thanh khoản của cổ phiếu, tạo sự thu hút, quan tâm của Nhà đầu tư đối với cổ phiếu Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất mức giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị ở mức **22.000 đồng/cổ phiếu**.

**6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Hiện tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Căn cứ công văn số 6523/UBCK-PTTT của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 50%.

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/11/2021, tỷ lệ nước ngoài tại Công ty là 0%.

**7. Các loại thuế có liên quan**

Theo quy định của pháp luật hiện hành

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.





8. Các văn bản pháp luật có liên quan đến tổ chức niêm yết

| STT | Văn bản pháp luật       | Chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Luật doanh nghiệp       | Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020                                                                                                                                                                                                   |
| 2   | Luật chứng khoán        | Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019                                                                                                                                                                                                    |
| 3   | Luật Đầu tư             | Luật đầu tư số 61/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020                                                                                                                                                                                                         |
| 4   | Nghị định 31            | Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật đầu tư                                                                                                                                                                                                                            |
| 5   | Nghị định 155           | Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán                                                                                                                                               |
| 6   | Thông tư 116            | Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. |
| 7   | Quyết định 85/QĐ-SGDHCM | Quyết định về việc ban hành quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                    |







## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. Các đối tác liên quan đến việc niêm yết**

#### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 71050000

Website: [www.deloitte.com.vn](http://www.deloitte.com.vn)

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3377 6699

Fax: +84 24 3373 6699

Website: [www.sbsi.vn](http://www.sbsi.vn)

## **VII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**
- 2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết**
- 3. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, năm 2020, BCTC tự lập Quý III/2021**







VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ  
TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN  
KIỂM SOÁT), TỔ CHỨC TƯ VẤN

Quảng Trị, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN CẢNH BÌNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ ĐÌNH SUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN BÁ HẢI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

VÕ THANH SƠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUANG ANH